

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

1.1. Khái quát về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

1.1.1. Khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

Tổ tụng hành chính (TTHC) là quá trình thực hiện những hoạt động khác nhau của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nhằm thụ lý và giải quyết đúng đắn VAHC theo quy định của pháp luật¹, có thể trải qua các giai đoạn khác nhau như khởi kiện và thụ lý; chuẩn bị xét xử; xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm; thi hành án hành chính; giám đốc thẩm, tái thẩm. Ở mỗi giai đoạn khác nhau, mỗi hoạt động đều có những vai trò, nhiệm vụ cụ thể nhưng chúng đều có cùng mục đích nhằm đảm bảo việc giải quyết VAHC được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một giai đoạn quan trọng trong TTHC có những tính chất, vai trò cụ thể. Do đó, việc hiểu chính xác và đầy đủ khái niệm “*chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC*” hết sức quan trọng và cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong khoa học nghiên cứu về chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong TTHC ở Việt Nam.

Theo Từ điển Tiếng Việt, “*chuẩn bị*” được hiểu là “*làm cho có sẵn cái cần thiết để làm việc gì*”², bên cạnh đó theo Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam thì “*chuẩn bị*” có nghĩa là “*sửa soạn trước để tiến hành một việc gì*”³. “*Xét xử*” là việc “*xem xét và xử các vụ án*”⁴ hay cũng có thể hiểu rằng xét xử là “*hoạt động của Tòa án tại phiên tòa để xem xét chứng cứ và căn cứ vào pháp luật, xử lý vụ án bằng việc ra bản án và các quyết định của Tòa án*”⁵. “*Sơ thẩm*” là “*xét xử một vụ án với tư cách là Tòa án ở cấp xử thứ nhất*”⁶. Như vậy, xét ở góc độ ngôn ngữ, “*chuẩn bị xét xử sơ thẩm*” được hiểu là việc tạo ra những việc làm cần thiết để Tòa án ở cấp xét xử đầu tiên tiến hành xét xử vụ án.

¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình LTHC (Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam, tr.25-26.

² Viện Ngôn ngữ học (2006), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, tr.181.

³ Nguyễn Lâm (2004), từ điển Từ và Ngữ Việt Nam, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, tr.360.

⁴ Viện Ngôn ngữ học (2006), tldd (2), tr.1058.

⁵ Nguyễn Duy Lâm (2001), Từ điển Giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.360.

⁶ Viện Ngôn ngữ học (2006), tldd (2), tr.869.

Theo Từ điển Tiếng Việt “*vụ*” được giải thích là việc, sự việc không hay, rắc rối cần phải giải quyết. Còn “*án*” là tranh chấp quyền lợi cần được xét xử trước Tòa án. “*Vụ án*” là công việc phát sinh trên cơ sở tranh chấp về quyền lợi thuộc nhiệm vụ xét xử của Tòa án. Từ điển Luật học giải thích cụm từ “*VAHC*” là “*vụ án phát sinh tại Tòa án hành chính do cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện ra trước Tòa án yêu cầu bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp bị các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước xâm phạm*”⁷. Ở góc độ học thuật, có nhiều nhà nghiên cứu đưa ra quan điểm về VAHC và có thể hiểu chung nhất như sau: “*VAHC được hiểu là vụ việc phát sinh khi cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước, danh sách cử tri của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước và được Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự do pháp LTTTC quy định*”⁸. So với các vụ án khác, VAHC có đặc điểm cơ bản như sau: người bị kiện trong VAHC luôn là cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước; tranh chấp trực tiếp trong VAHC là tính hợp pháp của các đối tượng khiếu kiện hành chính; người khởi kiện luôn là cá nhân, cơ quan, tổ chức cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm trực tiếp bởi các đối tượng khiếu kiện hành chính.

Xét theo góc độ ngôn ngữ, *chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC* được hiểu chung nhất là việc Tòa án cấp thứ nhất thực hiện sẵn những công việc cần thiết để đưa VAHC ra xét xử theo quy định của pháp luật. Cách hiểu này chỉ dừng ở mặt ngữ nghĩa, chưa thể hiện rõ các đặc điểm cơ bản của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC nhưng về mặt lý luận thì khái niệm trên đóng vai trò nền tảng ban đầu để tác giả xây dựng toàn diện về khái niệm về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trong công trình nghiên cứu này.

Ở góc độ khoa học pháp lý, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được các nhà nghiên cứu cũng như những chủ thể làm công tác xét xử, kiểm sát việc xét xử VAHC

⁷ Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học: Luật Hành chính, LTTTC, Luật Quốc tế, Nxb Công an Nhân dân, tr.132.

⁸ Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Quốc Hồng (2012), Giáo trình LTTTC Việt Nam, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr.33.

đánh giá có sức ảnh hưởng rất nhiều, có tầm quan trọng đến hiệu quả, chất lượng của việc xét xử sơ thẩm tại phiên tòa. Bởi thế, hiện nay khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được nghiên cứu ở các góc độ khác nhau.

Tác giả Nguyễn Thị Thủy cho rằng: “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là giai đoạn tiếp theo của quá trình TTHC, kể từ khi thụ lý VAHC cho đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm*”⁹. Ở khía cạnh này, tác giả đã đề cập đến giới hạn của chuẩn bị xét xử sơ thẩm từ khi thụ lý cho đến thời điểm Tòa án mở phiên tòa. Tuy nhiên về mặt lý luận, khái niệm chưa xác định cụ thể về mục đích, chủ thể của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC.

Giáo trình LTTHC Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội có đề cập: “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là giai đoạn của TTHC được bắt đầu từ sau khi có quyết định thụ lý VAHC và được kết thúc khi Thẩm phán được phân công giải quyết VAHC đã chuẩn bị xong các tài liệu cần thiết cho việc mở phiên tòa sơ thẩm*”¹⁰. So với quan điểm trên, ở khái niệm này đã đề cập rõ hơn về mục đích, chủ thể của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, song vẫn chưa có sự rõ ràng về giới hạn bắt đầu, kết thúc của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, phạm vi chủ thể thực hiện chuẩn bị xét xử sơ thẩm chỉ có Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng chưa được toàn diện về mặt ghi nhận của LTTHC.

Giáo trình LTTHC Việt Nam của Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh có viết rằng: “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một giai đoạn TTHC trong đó các chủ thể có thẩm quyền tiến hành các hoạt động chuẩn bị cho việc giải quyết VAHC tại phiên tòa sơ thẩm. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm được tính từ thời điểm Thẩm phán thụ lý vụ án đến ngày Thẩm phán ban hành một trong ba quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án*”¹¹. Hay Giáo trình LTTHC Việt Nam của Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội viết: “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính là giai đoạn của TTHC được tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa ra các quyết định đưa vụ án xét xử, tạm*

⁹ Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Quốc Hồng (2012), tldđ, tr.117.

¹⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình LTTHC Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, tr.199.

¹¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), tldđ, tr.357.

đình chỉ hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án”¹². Hai công trình này có nhiều điểm tương đồng, cơ bản làm rõ được một số đặc điểm của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC. Như vậy, dưới góc độ khoa học pháp lý, đông đảo các học giả đều thừa nhận ba nội dung trong khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC như sau: *thứ nhất*, chuẩn bị xét xử sơ thẩm được xem là một giai đoạn của TTHC; *thứ hai*, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có thời điểm phát sinh và thời điểm kết thúc; *thứ ba*, mục đích của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là chuẩn bị các công việc cần thiết để mở phiên tòa sơ thẩm.

Bên cạnh các đặc điểm chung nhất đó, các quan điểm trên chưa có sự thống nhất trong việc xác định thời điểm kết thúc của quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Quan điểm đầu tiên cho rằng thời điểm bắt đầu được tính từ khi thụ lý VAHC cho đến khi mở phiên tòa sơ thẩm. Quan điểm thứ hai lại cho rằng chuẩn bị xét xử sơ thẩm được tính từ thời điểm thụ lý cho đến khi Tòa án ra một trong ba quyết định: đưa vụ án ra xét xử, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết VAHC. Nhìn ở góc độ lý luận, mỗi quan điểm đều có những tư duy lập luận nhất định, song trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, người nghiên cứu nhận định rằng thời điểm bắt đầu chuẩn bị xét xử sơ thẩm là khi thụ lý và kết thúc khi Tòa án ban hành quyết định: đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ở góc độ nghiên cứu khác, chuẩn bị xét xử sơ thẩm còn được tiếp cận ở nhiều khía cạnh khác nhau với những nội hàm khác nhau và phụ thuộc vào cách nhìn nhận vấn đề của từng học giả. Về luật thực định, cho đến thời điểm hiện tại, LTTHC nước ta và các văn bản pháp luật liên quan chưa có điều khoản nào quy định chính thức về khái niệm chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC. Do vậy, việc xây dựng khái niệm cần được tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau. Theo đó, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có thể tiếp cận là một giai đoạn của quá trình TTHC; chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một chế định pháp luật; hay chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một thủ tục TTHC hoặc chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một hoạt động của TTHC.

Trong Khóa luận này, tác giả tập trung nghiên cứu chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC dưới góc nhìn là một giai đoạn của quá trình TTHC. **Tựu chung lại**, từ việc kết hợp các quan điểm trên, theo cách tiếp cận của người nghiên cứu: “*Chuẩn bị xét*

¹² Đại học Quốc gia Hà Nội – Trường Đại học Luật (2023), *Giáo trình LTTHC Việt Nam (Tái bản lần thứ nhất)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.218

xử sơ thẩm VAHC được hiểu là một giai đoạn của quá trình TTHC, trong đó các chủ thể liên quan mà chủ yếu là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tiến hành các hoạt động chuẩn bị cho việc giải quyết VAHC tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được tính từ thời điểm Thẩm phán thụ lý vụ án cho đến khi Thẩm phán ban hành một trong ba quyết định: quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án; quyết định đình chỉ giải quyết vụ án; quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm”.

1.1.2. Đặc điểm của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

Thứ nhất, *chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một giai đoạn của TTHC, có mối quan hệ với các giai đoạn khác trong TTHC.*

Trong khoa học pháp lý, TTHC được hiểu là quá trình thực hiện những hoạt động khác nhau của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nhằm thụ lý, giải quyết đúng đắn VAHC theo quy định của pháp luật¹³. Dựa vào cấu trúc của LTTHC, có thể chia quá trình TTHC thành các giai đoạn khác nhau như: giai đoạn khởi kiện và thụ lý; giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm; thi hành án, giám đốc thẩm, tái thẩm VAHC. Các giai đoạn này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Cách chia ra thành nhiều giai đoạn khác nhau chỉ mang tính chất tương đối, về mặt lý luận có thể có những cách phân chia khác nhau.

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một giai đoạn của TTHC. Theo Từ điển Luật học “*giai đoạn tố tụng là các khâu, các phần việc khác nhau của quá trình tố tụng*”¹⁴ nên cũng có thể hiểu “chuẩn bị xét xử sơ thẩm” là một phần độc lập trong quá trình giải quyết VAHC, có vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể so với các giai đoạn tố tụng khác, đồng thời có mối liên kết chặt chẽ với các giai đoạn tố tụng khác. Trước hết, chuẩn bị xét xử sơ thẩm được coi là giai đoạn tiếp nối của giai đoạn khởi kiện và thụ lý VAHC. Nói cách khác dễ hiểu hơn, khởi kiện và thụ lý là giai đoạn tiền đề của giai đoạn chuẩn bị xét xử.

¹³ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.25-26.

¹⁴ Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), Từ điển Luật học, Nxb Từ điển bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.286.

Đặt trong mối liên hệ với các giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHC, chuẩn bị xét xử sơ thẩm đóng vai trò nền tảng, tiền đề quan trọng để các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm có chất lượng, đạt hiệu quả, giúp cho Hội đồng xét xử sơ thẩm có sự chủ động, từ đó sẽ ban hành quyết định giải quyết VAHC được chính xác, khách quan, công bằng và đúng luật.

Thứ hai, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC bắt đầu khi thụ lý vụ án đến khi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ra một trong các quyết định: đưa vụ án ra xét xử, tạm đình chỉ và đình chỉ giải quyết vụ án.

Chuẩn bị xét xử hành chính được xem là một thủ tục tố tụng không thể thiếu trong TTHC. Do đó, giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC cũng có thời điểm bắt đầu và kết thúc. Theo Điều 130 LTTHC năm 2015 có nêu thời điểm bắt đầu của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được tính từ khi Tòa án thụ lý vụ án. LTTHC này cũng có quy định, việc Tòa án có thụ lý vụ án hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau cả mặt hình thức và mặt nội dung. Khi cá nhân, cơ quan, tổ chức đáp ứng tất cả các điều kiện đó và không thuộc trường hợp trả lại đơn, chuyển đơn khởi kiện thì Tòa án sẽ thụ lý vụ án. Khi Tòa án thụ lý VAHC là khởi điểm bắt đầu chính thức của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, chính thức xác lập trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp hành chính giữa các đương sự trong vụ án

Thời điểm kết thúc của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được hiểu là thời điểm Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ra một trong ba quyết định: đưa vụ án ra xét xử hoặc tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án. Đây là cách xác định dựa trên yếu tố lý luận pháp lý, trên thực tế còn tồn tại khá nhiều quan điểm không thống nhất. Có quan điểm cho rằng thời điểm kết thúc của giai đoạn này là khi Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, có quan điểm cho rằng thời điểm kết thúc chuẩn bị xét xử sơ thẩm có thể là thời điểm Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, có quan điểm khác lại cho rằng giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm kết thúc khi Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nhìn chung, các cách xác định thời điểm kết thúc của giai đoạn chuẩn bị xét xử chỉ mang tính chất tương đối.

Thứ ba, các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC chủ yếu được tiến hành bởi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án.

Có thể thấy, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử VAHC Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có vai trò trung tâm. Bởi lẽ, Thẩm phán là người trực tiếp thực hiện phần lớn thẩm quyền tố tụng của Tòa án cũng như tạo mọi điều kiện cần thiết để chủ thể khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Thêm vào đó, trong giai đoạn này, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có nhiệm vụ, quyền hạn ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ khi rơi vào những căn cứ pháp luật nhất định, tránh trường hợp Tòa án ra quyết định một cách tùy tiện gây bất lợi tới quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Trong trường hợp, Tòa án không có căn cứ để ban hành các quyết định trên, sau khi tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đầy đủ để giải quyết vụ án thì Thẩm phán được phân công phải quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Để hoàn thành khối công việc đồ sộ, quyết định phần lớn đến chất lượng phán quyết sau này, đòi hỏi Thẩm phán phải vận dụng pháp luật cũng như các biện pháp nghiệp vụ một cách linh hoạt để giải quyết triệt để các vấn đề mấu chốt của vụ án. Để làm được điều đó, Thư ký Tòa án cũng tham gia với vai trò giúp việc cho Thẩm phán, khi được phân công Thư ký Tòa án có thể tiến hành một số hoạt động tố tụng để hỗ trợ cho Thẩm phán. Thêm vào đó, còn có sự tham gia của Viện kiểm sát (VKS) với chức năng là kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật trong TTHC nhằm bảo đảm cho việc giải quyết VAHC kịp thời, đúng pháp luật.

Thứ tư, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC mang tính chất chuẩn bị các hoạt động tố tụng cho việc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm

Đây là đặc điểm riêng của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, là cơ sở để phân biệt với các giai đoạn khác của TTHC. Theo tiến trình tố tụng, giai đoạn chuẩn bị xét xử được đánh giá là giai đoạn mang tính chất tiền đề để phiên tòa xét xử sơ thẩm VAHC diễn ra có chất lượng, các phán quyết của Hội đồng xét xử sơ thẩm được chính xác, đúng luật, khách quan, bảo vệ được quyền và lợi ích của các bên đương sự. Các hoạt động tố tụng được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm như thu thập tài liệu chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ, lấy lời tự khai của đương sự, mở phiên đối chất, mở phiên họp tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ, đối thoại và một số hoạt động tố tụng khác đều giúp Thẩm phán lập luận, định hướng đường lối xét xử tại phiên tòa, giải quyết tranh chấp hành chính được chuẩn xác, chất lượng phán quyết được bảo đảm. Nếu như giai đoạn chuẩn bị

xét xử được tiến hành thiếu cẩn trọng, kỹ lưỡng thì chất lượng phiên tòa xét xử sơ thẩm cũng bị ảnh hưởng. Do vậy, ở góc độ nào thì chuẩn bị xét xử sơ thẩm cũng cần được đánh giá với mục đích cho công tác mở phiên tòa sơ thẩm.

1.1.3. Ý nghĩa của chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là một giai đoạn đặc biệt quan trọng trong quá trình giải quyết VAHC không chỉ là có ý nghĩa với hoạt động xét xử của Tòa án mà còn giúp đương sự chuẩn bị tốt nhất để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa sơ thẩm. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là cơ sở để Tòa án giải quyết VAHC có chất lượng, hiệu quả, đúng luật

Nếu như giai đoạn khởi kiện và thụ lý VAHC là cơ sở để đánh giá tính hợp pháp của hành vi khởi kiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức để tiến hành thụ lý, chính thức xác nhận trách nhiệm của Tòa án trong việc giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện thì chuẩn bị xét xử sơ thẩm lại là khâu quan trọng không thể thiếu để đảm bảo việc giải quyết VAHC tại phiên tòa sơ thẩm được chất lượng, hiệu quả, đúng luật. Các hoạt động tố tụng cụ thể tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm như thu thập tài liệu, đánh giá chứng cứ của vụ án; yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, làm bản tự khai; tổ chức phiên đối chất, phiên họp đối thoại; lập hồ sơ vụ án, nghiên cứu hồ sơ vụ án; ban hành các quyết định tố tụng cụ thể... là cơ sở để các chủ thể tiến hành tố tụng mà điển hình là giúp cho Thẩm phán nhận diện được mấu chốt của nội dung tranh chấp, xác định chính xác các yêu cầu, phạm vi khởi kiện, làm rõ tình tiết của vụ án, xác định vấn đề cần phải chứng minh, định hình được đường lối giải quyết tranh chấp, chuẩn bị đề cương điều khiển phiên tòa, kế hoạch xét hỏi phục vụ cho hoạt động xét xử sơ thẩm tại phiên tòa. Do vậy, nếu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các hoạt động tố tụng được tiến hành thận trọng, kỹ lưỡng, nghiêm túc thì sẽ giúp cho hoạt động xét xử tại phiên tòa được hiệu quả, đúng luật, các phán quyết của Tòa án được chính xác, thuyết phục, hạn chế các kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm, giúp cho quá trình TTHC kết thúc nhanh chóng hoặc nếu có phúc thẩm thì cũng là cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án thuận lợi, chất lượng, bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Ngược lại, nếu các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm thực hiện chiếu lệ, sơ sài mang tính chất đối

phó thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng xét xử vụ án, có thể dẫn đến tình trạng kéo dài việc giải quyết vụ án, bản án, quyết định của Tòa án có sai sót, vi phạm, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án.

Thứ hai, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là cơ sở để các đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình

Các đương sự tham gia vào VAHC với những dụng ý khác nhau. Người khởi kiện chủ động tham gia vào VAHC để phản kháng lại các quyết định hành chính, hành vi hành chính của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Người bị kiện tham gia vào VAHC nhằm bảo đảm tính hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính do mình ban hành, thực hiện, duy trì quyền lực quản lý nhà nước. Tuy nhiên chung quy lại các đương sự trong VAHC đều hướng tới mục tiêu là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trước Tòa án và các đương sự đối lập. Xuất phát từ nội dung này, tất cả các giai đoạn của quá trình TTHC đều phải hướng tới tạo điều kiện để đương sự bảo vệ quyền hợp pháp của họ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, các đương sự được thực hiện các hoạt động tố tụng như thu thập cung cấp chứng cứ cung cấp cho Tòa án, yêu cầu Tòa án áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, viết bản tự khai mô tả về nội dung tranh chấp, tham gia phiên họp tiếp cận, công khai đánh giá chứng cứ, đối thoại... Đây chính là các hoạt động tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng với các đương sự, đặc biệt là người khởi kiện. Trước hết, các hoạt động đó sẽ giúp cho các đương sự có thời gian, cơ hội để tìm các luận điểm, luận cứ bảo vệ lợi ích chính đáng của mình tại các phiên tòa. Đồng thời, điều đó cũng là cơ sở để đương sự nhận thức đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, để họ chủ động trong việc thực hiện quyền của mình làm rõ sự thật khách quan của vụ án, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Riêng ở khía cạnh của người bị kiện, thủ tục đối thoại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là cơ hội để người bị kiện nhìn nhận lại, đánh giá lại tính đúng đắn, hợp pháp của các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu kiện. Khi nhận thấy có sai sót, chưa hợp pháp từ các đối tượng khiếu kiện, người bị kiện có thể kịp thời điều chỉnh các sai sót đó bằng cách sửa đổi, hủy bỏ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị kiện. Từ đó sẽ giúp họ thận trọng kỹ lưỡng hơn trong

công tác quản lý hành chính nhà nước của chính mình, góp phần tăng cường hiệu quả, hiệu lực của quản lý hành chính nhà nước.

Thứ ba, chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC còn là tiền đề để Tòa án mà cụ thể là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tham gia giáo dục pháp luật cho các đương sự

Có thể thấy, tất cả các giai đoạn của quá trình TTHC đều có ý nghĩa trong việc tham gia giáo dục pháp luật cho các đương sự của vụ án. Nhưng có lẽ, giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có tầm quan trọng và ý nghĩa hơn hẳn trong việc tham gia giáo dục pháp luật cho các đương sự. Bởi lẽ, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, Thẩm phán tiến hành nhiều các hoạt động tố tụng khác nhau như lấy lời khai của đương sự, tổ chức đối chất, tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, giải thích cụ thể các quyền, nghĩa vụ của đương sự trong từng thủ tục cụ thể. Đây chính là các hoạt động giúp cho Thẩm phán và các đương sự có nhiều cơ hội để giao tiếp, Thẩm phán có thể tìm hiểu được tâm tư, nguyện vọng của các đương sự, từ đó có những chia sẻ về mặt pháp lý để các đương sự hiểu rõ các quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án, nâng cao ý thức pháp luật của các đương sự, tạo thuận lợi cho công tác giải quyết vụ án của Tòa án.

1.2. Quy định của Luật Tố tụng hành chính Việt Nam về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

1.2.1. Yêu cầu đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện cho Tòa án; yêu cầu người khởi kiện nộp bản sao tài liệu, chứng cứ để Tòa án gửi cho đương sự.

Theo đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, khi nhận thấy, tài liệu, chứng cứ của vụ án còn thiếu chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án, Thẩm phán có quyền yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ. Khi nhận được yêu cầu, đương sự phải giao nộp và nếu không bổ sung mà không có lý do chính đáng thì Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu đã có để giải quyết vụ án.

Trường hợp, đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ thì Tòa án phải lập biên bản về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ. Trong biên bản phải ghi rõ tên gọi, hình thức, nội dung, đặc điểm của tài liệu, chứng cứ; số bản, số trang của tài liệu, chứng cứ và thời gian nhận; chữ ký hoặc điểm chỉ của người giao nộp, chữ ký của người nhận và

dấu của Tòa án. Biên bản phải được lập thành hai bản, một bản lưu vào hồ sơ VAHC và một bản giao cho đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Bên cạnh đó, thời hạn đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cũng có những giới hạn nhất định, tuy do Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ấn định nhưng không được quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục sơ thẩm¹⁵. Quy định này hướng tới loại bỏ tình trạng giao nộp chứng cứ quá trễ ảnh hưởng tới tiến trình giải quyết vụ án, thúc đẩy làm cho đương sự có trách nhiệm, chủ động, nhanh chóng hơn trong việc thu thập, giao nộp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình¹⁶. Ngoài ra, nhằm bảo đảm quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ của các đương sự LTTHC cũng quy định một số ngoại lệ trong trường hợp sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử hoặc xét xử tại phiên tòa nhằm đảm bảo quyền chứng minh cho các đương sự.

Ngoài việc giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán còn yêu cầu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện cho Tòa án và đồng thời yêu cầu người khởi kiện nộp bản sao tài liệu, chứng cứ để Tòa án gửi cho đương sự khác.

1.2.2. Xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật

Khác với vụ án hình sự, hoạt động xác minh thu thập tài liệu chứng cứ trong VAHC được tiến hành chủ yếu bởi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án. Xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ được hiểu là tổng thể các hoạt động tố tụng của Tòa án nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án, từ đó xác lập các căn cứ cần thiết, khách quan cho việc giải quyết VAHC¹⁷. Trong TTHC, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ được xem là hoạt động cần thiết và có ý nghĩa bắt buộc, bởi vì chứng cứ do các đương sự cung cấp không phải lúc nào cũng đầy đủ, rõ ràng và đáng tin cậy. Do vậy, Tòa án sẽ tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật nhằm làm rõ các tình tiết của vụ án, làm rõ bản chất của vụ án, xác định tính hợp pháp của các đối tượng khiếu kiện. Theo đó, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ được phân tích thông qua các khía cạnh sau:

¹⁵ Điều 83 LTTHC 2015.

¹⁶ Nguyễn Sơn Lâm (2023), “Giao nộp tài liệu, chứng cứ trong TTHC”, *Tạp chí TAND*, số 2, tr.55.

¹⁷ Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *ltdđ*, tr.205.

Thứ nhất, những vấn đề cần làm sáng tỏ trong quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ

Để việc thu thập chứng cứ được giải quyết đúng theo yêu cầu giải quyết của người khởi, Thẩm phán cần phải xác định cho được những vấn đề cần làm sáng tỏ trong VAHC, có nghĩa là Thẩm phán phải xác định đúng vấn đề cần chứng minh. Có như vậy, Thẩm phán mới giảm bớt được thời gian và công sức trong quá trình giải quyết vụ án. Ngược lại, việc xác định không chính xác những vấn đề cần chứng minh sẽ gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng đắn. Mỗi VAHC sẽ có những vấn đề cần làm sáng tỏ cụ thể khác nhau.

Thứ hai, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ

Về cơ bản, khi tham gia tố tụng, dù ở tư cách nào thì các đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trường hợp, đương sự không thể tự mình thu thập được tài liệu, chứng cứ thì có quyền yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ giúp mình. Trên cơ sở đề nghị của đương sự và xét thấy cần thiết, Tòa án có thể tự mình hoặc ủy thác tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ tình tiết vụ án¹⁸.

Để bảo đảm các thuộc tính của tài liệu, chứng cứ, LTTHC đã quy định trình tự thủ, thủ tục tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Theo đó, tùy vào tranh chấp trong từng VAHC, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán có thể tiến hành một hoặc một số biện pháp sau để thu thập tài liệu, chứng cứ¹⁹:

- *Lấy lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng*: Thẩm phán chỉ tiến hành lấy lời khai của đương sự khi đương sự chưa viết bản tự khai hoặc nội dung bản tự khai chưa đầy đủ, rõ ràng. Việc lấy lời khai của đương sự chỉ tập trung vào những tình tiết cần phải làm rõ thêm. Việc lấy khai của người làm chứng khi có yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán tiến hành lấy lời khai của người này. Đây chính là những căn cứ quan trọng góp phần làm rõ bản chất vụ án, để xác định đúng hướng giải quyết vụ án, đặc biệt trong những vụ án mà đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính.

¹⁸ Khoản 6 Điều 83 LTTHC 2015.

¹⁹ Điều 84 LTTHC 2015.

- *Đối chất, xem xét thẩm định tại chỗ*: Đây là biện pháp chỉ thực hiện với những VAHC mà đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính hoặc người khởi kiện đồng thời có yêu cầu bồi thường thiệt hại²⁰. Thủ tục, trình tự áp dụng biện pháp này khá kỹ lưỡng, phải có mặt của đại diện UBND cấp xã, Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định; và phải báo trước việc xem xét, thẩm định tại chỗ để đương sự biết và chứng kiến việc xem xét, thẩm định đó.

Ngoài các biện pháp trên, Tòa án có thể tiến hành thêm một số biện pháp thu thập chứng cứ như định giá tài sản, thẩm định giá tài sản; ủy thác thu thập tài liệu, chứng cứ; trưng cầu giám định, yêu cầu giám định; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ và một số các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

1.2.3. Quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời

Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong TTHC là biện pháp pháp lý được Tòa án quyết định áp dụng theo nhu cầu của đương sự hoặc người đại diện của đương sự nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được hoặc được bảo đảm việc thi hành án²¹. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, tùy vào đặc trưng của từng VAHC khác nhau, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xem xét quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, khi có yêu cầu của đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự. Đây là biện pháp giúp cho các đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, bảo vệ bằng chứng, bảo toàn tài sản, tránh gây thiệt hại khó có thể khôi phục sau này.

1.2.4. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

Hiện nay, việc nghiên cứu hồ sơ vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm chưa có một điều khoản LTTHC quy định riêng biệt đề cập đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán. Tuy nhiên, về khía cạnh lý luận, nhiều nhà nghiên cứu pháp lý ghi nhận việc nghiên cứu hồ sơ vụ án là một hoạt động tố tụng vô cùng quan trọng không thể thiếu của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm²². Bởi lẽ, trong quá

²⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), lttđ, tr.204.

²¹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.215- 216.

²² Theo giáo trình LTTHC Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà nội (2005) tại trang 216 có viết “Nghiên cứu hồ sơ vụ án là hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án. Theo quy định chung, hoạt động này được thực hiện sau khi đã xác minh, thu thập, nghiên cứu tương đối các tài liệu,

trình nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vụ án, tòa án kịp thời phát hiện ra những sai sót của cơ quan công quyền.

Nghiên cứu hồ sơ vụ án là hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các chủ thể tố tụng được luật quy định tiến hành đọc, xem xét, tìm hiểu các tài liệu, chứng cứ của vụ án nhằm xác định những căn cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ²³. Theo quy định chung, hoạt động này được thực hiện sau khi đã xác minh, thu thập, nghiên cứu tương đối đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Việc nghiên cứu hồ sơ VAHC có thể tiến hành ở nhiều thời điểm khác nhau nhưng phải bảo đảm thực hiện một cách toàn diện, nhanh chóng, khẩn trương, và kỹ lưỡng trong thời hạn pháp luật quy định, đảm bảo tính khách quan, tránh tẩy xóa, thêm bớt, cắt xén làm sai lệch hồ sơ vụ án cũng như phải đảm bảo được tiến hành theo trình tự khoa học, logic. Nhận thấy, tùy thuộc vào bản chất của mỗi VAHC khác nhau sẽ có những đặc trưng, bản chất, đặc điểm riêng.

1.2.5. Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại

Tổ chức kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ là thủ tục mới bổ sung của LTTHC năm 2015 so với LTTHC năm 2010. Đây là thủ tục tạo cơ sở bảo đảm quyền tiếp cận chứng cứ của đương sự, bảo đảm sự công khai minh bạch trong giải quyết VAHC, căn cứ quan trọng để các bên đương sự thực hiện quyền tranh tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo đó, LTTHC năm 2015 đã quy định cụ thể từ Điều 134 đến Điều 140 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại.

Thứ nhất, thủ tục tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

Đây là thủ tục mới được bổ sung, việc tổ chức phiên họp này nhằm mục đích bảo đảm các chứng cứ đều phải được công khai (trừ trường hợp không được công khai), tăng cường tính tranh tụng của các đương sự, bảo đảm tính khách quan, minh bạch của việc giải quyết vụ án. Theo đó, Khoản 2, 3 Điều 138 LTTHC quy định: Khi

chứng cứ có trong vụ án. Như vậy, nghiên cứu hồ sơ VAHC là việc Thẩm phán xem xét, tìm hiểu tài liệu của vụ án để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo – đưa ra xét xử”.

²³ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, Nxb Hồng Đức, tr.378.

tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán phải công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hỏi đương sự những vấn đề:

➤ Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế, rút yêu cầu khởi kiện; yêu cầu độc lập; những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết;

➤ Việc giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác;

➤ Việc bổ sung tài liệu, chứng cứ, đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ, triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

Mục đích Thẩm phán đặt các câu hỏi nêu trên cho các đương sự trong phiên họp để giúp Thẩm phán nhận định được tình hình chung của vụ án, nhận định được các yêu cầu của người khởi kiện, có hay không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Từ đó, Thẩm phán chủ trì phiên họp có định hướng cụ thể về nội dung của phiên họp và đồng thời có cơ sở để giải quyết ba nội dung sau²⁴.

+ *Kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án*: Giao nộp tài liệu, chứng cứ vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của đương sự để chứng minh cho yêu cầu của mình. Kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ là việc đánh giá, xem xét các chứng cứ do các đương sự giao nộp cho Tòa án có đầy đủ, hợp pháp hay không. Khi giao nộp Tòa án phải lập biên bản về việc giao nộp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 83 LTTHC.

+ *Kiểm tra việc tiếp cận chứng cứ*: Tiếp cận chứng cứ là việc các đương sự có quyền được biết, được ghi chép, được sao chụp, trao đổi tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được, trừ tài liệu không được tiếp cận theo quy định tại Khoản 1 Điều 98 LTTHC. Khi đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thì họ phải thông báo cho đương sự khác biết việc họ đã giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để đương sự khác liên hệ với Tòa án thực hiện quyền tiếp cận tài liệu, chứng cứ²⁵. Mục đích kiểm tra việc tiếp cận chứng cứ để bảo

²⁴ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.391 – 393.

²⁵ Điều 98 LTTHC 2015.

đảm các đương sự được tiếp cận các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để họ có căn cứ vào đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ *Kiểm tra việc công khai tài liệu, chứng cứ của Tòa án*: Các tài liệu chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án như: Biên bản lấy lời khai, đối chất của các đương sự, kết quả trưng cầu giám định, định giá tài sản, xem xét thẩm định tại chỗ (nếu có)... và tài liệu, chứng cứ khác do đương sự giao nộp phải được Tòa án công khai²⁶. Mục đích của công khai tài liệu, chứng cứ để nhằm bảo đảm tính khách quan, liên quan, có thực của chứng cứ, là cơ sở để đương sự có thể yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập thêm tài liệu chứng cứ hoặc giao nộp thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án nếu thấy cần thiết hoặc yêu cầu Tòa án công khai tài liệu chứng cứ đương sự đã giao nộp nhưng không được công khai (trừ những tài liệu không được công khai) mà không có trong hồ sơ vụ án.

Thứ hai, thủ tục đối thoại

Nếu như trong tố tụng dân sự có thủ tục hòa giải thì trong TTHC có thủ tục đối thoại. Đối với các đương sự, thông qua việc đối thoại các đương sự có cơ hội trao đổi, bàn bạc, thỏa thuận về nội dung tranh chấp và hướng giải quyết vụ án, giảm thiểu mức độ căng thẳng, xung đột, mâu thuẫn giữa họ và từ đó có thể đạt được kết quả như ý để nhanh chóng chấm dứt việc giải quyết vụ án. Đối với Tòa án, thủ tục đối thoại là cơ sở để Tòa án giải quyết vụ án thuận lợi, dễ dàng, đúng đắn và kết thúc sớm việc giải quyết, tiết kiệm được thời gian cho Tòa án và cả đương sự. Với ý nghĩa này, việc tổ chức cho các đương sự được đối thoại tại giai đoạn chuẩn bị xét xử là cần thiết và đóng góp vai trò đặc biệt quan trọng với quá trình giải quyết VAHC.

**** Nguyên tắc đối thoại***

Theo quy định của pháp LTTHC hiện hành, đối thoại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm không phải là thủ tục tùy nghi mà là thủ tục bắt buộc. Tòa án có trách nhiệm phải tổ chức đối thoại cho các đương sự, trừ trường hợp không phải tổ chức hoặc trường hợp không tiến hành đối thoại được²⁷. Như vậy, nguyên tắc cơ bản nhất được xác lập đó chính là: thủ tục đối thoại là thủ tục bắt buộc được tiến hành trong

²⁶ Khoản 1 Điều 96 LTTHC 2015.

²⁷ Xem Điều 134, 135 LTTHC 2015.

giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trừ một số trường hợp ngoại lệ không phải đối thoại.

Bên cạnh nguyên tắc cơ bản trên, khoản 2 Điều 134 LTTHC năm 2015 tiếp tục đề cập một số nguyên tắc đối thoại như sau:

(a) Bảo đảm công khai, dân chủ, tôn trọng ý kiến của đương sự.

(b) Không được ép buộc các đương sự thực hiện việc giải quyết VAHC trái với ý chí của họ.

(c) Nội dung đối thoại, kết quả đối thoại thành giữa các đương sự không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

*** Xử lý kết quả đối thoại**

Kết quả đối thoại là kết quả của việc trao đổi, bàn bạc giữa các đương sự, có thể thống nhất hoặc không thống nhất với nhau về các nội dung đã đối thoại. Điều 140 LTTHC năm 2015 quy định cụ thể về cách xử lý kết quả đối thoại theo các hướng sau đây:

+ Trường hợp qua đối thoại mà người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, người bị kiện giữ nguyên quyết định, hành vi bị khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vẫn giữ nguyên yêu cầu thì Thẩm phán tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án.

+ Trường hợp qua đối thoại mà người khởi kiện tự nguyện rút đơn khởi kiện thì Thẩm phán lập biên bản về việc người khởi kiện tự nguyện rút đơn khởi kiện, ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện. Người khởi kiện được quyền khởi kiện lại vụ án nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

+ Trường hợp qua đối thoại mà người bị kiện cam kết sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quyết định bị khởi kiện hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện cam kết rút đơn khởi kiện thì Tòa án lập biên bản về cam kết của đương sự.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản, người bị kiện phải gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới hoặc thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện phải gửi cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện. Hết

thời hạn này mà một trong các đương sự không thực hiện cam kết của mình thì Thẩm phán tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án.

Trường hợp nhận được quyết định hành chính mới hoặc văn bản rút đơn khởi kiện thì Tòa án thông báo cho đương sự khác biết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án và gửi ngay cho đương sự và VKS cùng cấp. Luật LTTHC có quy định rất hợp lý khi dành khoảng thời gian nhất định để các bên tham gia đối thoại thực hiện cam kết của mình thì Thẩm phán mới ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, tránh trường hợp một trong các bên không thực hiện cam kết ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự còn lại²⁸. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm; trường hợp có căn cứ cho rằng nội dung các bên đã thống nhất và cam kết là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa hoặc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội thì quyết định của Tòa án có thể được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Như vậy, việc LTTHC cụ thể hóa cách thức xử lý kết quả đối thoại trong giải quyết VAHC là hoàn toàn cần thiết nhằm tạo điều kiện để Tòa án đổi mới, góp phần nâng cao hiệu quả đối thoại trong công tác giải quyết xét xử VAHC, xử lý kết quả đối thoại được thống nhất, là giải pháp hữu hiệu, căn cơ giúp Thẩm phán giải quyết khối công việc đồ sộ, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của đương sự.

1.3. Kết quả của giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, tùy vào từng trường hợp, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra một trong các quyết định sau: quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án; quyết định đình chỉ giải quyết VAHC hoặc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

1.3.1. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án

Tạm đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử là việc sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phát hiện có căn cứ tạm đình chỉ do LTTHC quy định và đã ra quyết định tạm dừng việc giải quyết VAHC.

²⁸ Lê Việt Sơn, Vũ Minh Thùy (2016), “Thủ tục đối thoại theo LTTHC năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 08, tr.45.

Vụ án sẽ được tiếp tục đưa ra xét xử khi căn cứ tạm đình chỉ được khắc phục²⁹. Các căn cứ tạm đình chỉ giải quyết được quy tại khoản 1 Điều 141 LTTHC năm 2015. Theo đó, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm sẽ ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi có một trong các căn cứ sau:

- Đương sự là cá nhân đã chết, cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản mà chưa có cá nhân, cơ quan, tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có thể bị gián đoạn bởi các sự kiện đương sự là cá nhân chết, cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản. Đây không phải là căn cứ đương nhiên dẫn đến việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án. Khi Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ phải đáp ứng cả hai điều kiện: *Một là*, đương sự là cá nhân đã chết, cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản mà các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ được pháp luật quy định cho phép kế thừa; *Hai là*, chưa có cá nhân, cơ quan, tổ chức kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

Yếu tố “*chưa có*” được hiểu là khi đương sự là cá nhân đã chết, cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc phá sản quyền và nghĩa vụ của họ đương pháp thừa kế nhưng tại thời điểm đó chưa xác định ngày được chủ thể có quyền thừa kế là ai, đang ở đâu nên Thẩm phán ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để có thời gian xác định đối tượng được thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 và sẽ tiếp tục khi giải quyết vụ án sau khi đã xác định được cá nhân, cơ quan, tổ chức thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng³⁰.

- Đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự, người chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật.

Điều 22 BLDS 2015 quy định: Người mất năng lực hành vi dân sự là người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Khoản 1 Điều 21 BLDS hiện hành quy định: người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi.

²⁹ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.402.

³⁰ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr. 403 – 404.

Trong TTHC, đương sự để có thể tham gia vào quá trình giải quyết VAHC họ phải đáp ứng điều kiện về độ tuổi, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Nếu đương sự thuộc trường hợp là người mất năng lực hành vi dân sự, người chưa thành niên thì việc thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ thông qua người đại diện theo pháp luật.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm mà có căn cứ đương sự là người mất năng lực hành vi dân sự, chưa thành niên mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật thì Thẩm phán sẽ ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Đây là quy định hoàn toàn cần thiết và có ý nghĩa trong việc bảo đảm quyền tham gia tố tụng của đương sự, giúp đương sự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình, góp phần giúp cho Tòa án giải quyết trọn vẹn, thấu tình đạt lý vụ án được giao.

- Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử mà một trong các đương sự không thể có mặt vì lý do chính đáng, trừ trường hợp có thể xét xử vắng mặt đương sự.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, Thẩm phán tiến hành các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để đưa ra đường hướng đúng đắn cho việc giải quyết vụ án. Về cơ bản, khi nhận được triệu tập hợp lệ của Tòa án, đương sự phải có mặt song vì các lý do trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng xảy ra bất ngờ làm cho họ không thể khắc phục được dẫn đến việc họ không thể có mặt thì Tòa án sẽ tạm đình chỉ giải quyết vụ án để bảo đảm quyền lợi cho đương sự. Khi đương sự có mặt thì Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cần nhấn mạnh, chỉ khi đương sự vắng mặt vì lý do chính đáng thì Tòa án mới tạm đình chỉ giải quyết vụ án còn đối với trường hợp đương sự vắng mặt không vì lý do chính đáng thì hậu quả pháp lý sẽ không phải là tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Nội dung quy định này khá rõ ràng, loại trừ trường hợp đương sự cố tình kéo dài việc giải quyết vụ án bằng các lý do không cụ thể, rõ ràng gây ảnh hưởng đến các đương sự khác cũng như cản trở công tác giải quyết vụ án của Tòa án.

- Cần đợi kết quả giải quyết của cơ quan khác hoặc kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có thể xảy ra trường hợp VAHC mà Tòa án đã thụ lý và đang giải quyết có liên quan đến vụ án hình sự, dân sự, kinh

tế, lao động,... hoặc một vụ việc khác có liên quan đến vụ án đang được giải quyết. Kết quả giải quyết của các vụ án này là căn cứ pháp lý tiền đề cần thiết cho việc Tòa án tiếp tục giải quyết VAHC đã thụ lý thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết VAHC để đợi kết quả giải quyết của cơ quan khác hoặc kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan trên. Việc tạm đình chỉ giải quyết VAHC trong trường hợp này, giúp Tòa án có được những cơ sở pháp lý, chứng cứ vững chắc trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hoặc xác định căn cứ khác để có thể giải quyết VAHC một cách toàn diện, chính xác, đúng pháp luật.

Ngoài các căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên, Thẩm phán cũng có thể tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi rơi vào một trong hai căn cứ tiếp theo là: *Cần đợi kết quả giám định bổ sung, giám định lại; cần đợi kết quả thực hiện ủy thác tư pháp, ủy thác thu thập chứng cứ hoặc đợi cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án mới giải quyết được vụ án; cần đợi kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc giải quyết vụ án có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên mà Tòa án đã có văn bản kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản đó*³¹.

Về hậu quả của việc tạm đình chỉ giải quyết, Điều 142 LTTHC quy định khá cụ thể. Theo đó, khi Tòa án tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án không làm chấm dứt việc giải quyết vụ án mà chỉ tạm thời dừng việc giải quyết trong một khoảng thời gian nhất định. Vụ án sẽ được tiếp tục giải quyết khi lý do tạm đình chỉ không còn nữa. Cho nên, Tòa án không được xóa tên VAHC trong sổ thụ lý mà chỉ ghi chú vào sổ thụ lý số và ngày, tháng, năm của quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để tiện theo dõi tiến độ giải quyết vụ án. Sau khi có quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân khắc phục những lý do dẫn tới vụ án bị tạm đình chỉ trong thời gian ngắn nhất để kịp thời đưa vụ án ra giải quyết. Bên cạnh đó, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết VAHC có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

³¹ Điều 141 LTTHC 2015.

1.3.2. Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án

Đình chỉ giải quyết VAHC là việc Tòa án có thẩm quyền sau khi thụ lý vụ án phát hiện những căn cứ theo quy định pháp luật đã ra quyết định chấm dứt việc giải quyết vụ án³². Các căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án được quy định cụ thể tại Điều 143 LTTHC. Theo đó, Thẩm phán quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi có một trong các căn cứ sau:

- Người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế; cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Điều 59 LTTHC năm 2015 quy định cụ thể về kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: *“Khi người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của người đó được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng”*. Như vậy, LTTHC hiện hành vẫn tiếp tục cho phép thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng trong trường hợp người khởi kiện là cá nhân chết. Song không phải bất kì trường hợp nào người khởi kiện là cá nhân đã chết thì quyền và nghĩa vụ tố tụng của cá nhân đều được kế thừa, theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự hiện hành thì *“quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”*³³. Theo đó, nếu VAHC liên quan đến nhân thân mà đương sự là các nhân chết thì quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế.

Trong quá trình giải quyết VAHC, người khởi kiện không chỉ là cá nhân mà có thể xảy ra trường hợp người khởi kiện là cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản. Khi người khởi kiện là cơ quan, tổ chức bị hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể LTTHC cho phép cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức cũ thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của cơ quan, tổ chức đó. Tuy nhiên, trong trường hợp cơ quan, tổ chức đó giải thể lại không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng thì đây sẽ là cơ sở để Tòa án ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

³² Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr. 416.

³³ Khoản 1 Điều 25 BLDS 2015.

- Người khởi kiện rút đơn khởi kiện trong trường hợp không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu của người khởi kiện đã rút.

Nếu theo LTTTC năm 2010, Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi “*người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Tòa án chấp nhận*”³⁴. Theo quy định này, có thể thấy căn cứ này không chỉ phụ thuộc vào ý chí của người khởi kiện mà còn phụ thuộc vào ý chí của Tòa án. Khác với LTTTC năm 2010, LTTTC năm 2015 hướng đến khắc phục những hạn chế về quy định căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án không còn phụ thuộc vào ý chí của Tòa án mà hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án. Theo đó, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết VAHC khi rơi vào những trường hợp sau:

Một là, Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và trong vụ án không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đây là trường hợp người khởi kiện không mong muốn tiếp tục việc khởi kiện tại tòa nên đã họ đã tự nguyện rút đơn khởi kiện thì Tòa án ra sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Hai là, Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và trong vụ án có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và họ vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình. Trường hợp này, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu mà người khởi kiện đã rút và tiếp tục giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quy định này, nhằm giải quyết triệt để VAHC, bảo đảm quyền và lợi ích của đương sự khác trong VAHC khi người khởi kiện rút đơn khởi kiện.

- Người khởi kiện rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút đơn yêu cầu độc lập.

Đây là quy định hoàn toàn mới mà LTTTC 2015 bổ sung thêm. Ở quy định này, cả người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong VAHC đều rút đơn khởi kiện, yêu cầu độc lập. Do đó, Tòa án căn cứ vào ý chí của họ

³⁴ Điểm b Khoản 1 Điều 120 LTTTC năm 2010.

để quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, bảo đảm cho vụ án được giải quyết nhanh chóng.

- Người khởi kiện không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập mà không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Luật này thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu độc lập của họ.

Đây cũng là một trong những quy định bổ sung mới của LTTTC hiện hành để Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá tài sản để xác định giá trị tài sản bị xâm phạm bởi các khiếu kiện hành chính theo Điều 91 LTTTC năm 2015. Có thể được xem đây là một chế tài hữu hiệu trong tố tụng buộc đương sự có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ chi trả các chi phí tố tụng đối với yêu cầu của mình để Tòa án có cơ sở giải quyết vụ án. Mặt khác, LTTTC quy định rằng nếu người khởi kiện mà không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản thì Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án trên phương diện đề cao trách nhiệm của người yêu cầu Tòa án tiến hành định giá tài sản. Trường hợp, nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản thì Tòa án sẽ tiến ra quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của họ.

- Người khởi kiện đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt trừ trường hợp họ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hoặc trường hợp có sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan.

Nếu người khởi kiện đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án phải xem xét xem họ có đề nghị xét xử vắng mặt hoặc họ có gặp phải sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan không. Việc người khởi kiện vắng mặt lần thứ hai mà họ không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc không gặp phải trường hợp có sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khi được triệu tập được coi là từ bỏ quyền khởi kiện. Quy định này có sự sửa đổi theo hướng có lợi cho phía người bị kiện, tạo điều kiện cho họ tham gia tố tụng một cách cởi mở nhất. Mặt khác, để đảm bảo hoạt động bình thường của Tòa án, buộc người khởi kiện phải có ý thức trách nhiệm cao trong việc theo kiện, phải thực hiện các nghĩa vụ của người khởi kiện mà pháp luật đã quy định.

- *Người bị kiện hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện đồng ý rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng ý rút yêu cầu.*

Trong quá trình giải quyết VAHC khi người bị kiện hủy bỏ quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện thì kể từ thời điểm đó đối tượng khởi kiện chấm dứt hiệu lực pháp luật trên thực tế³⁵. Tuy nhiên, Tòa án chỉ đình chỉ giải quyết vụ án khi người khởi kiện đồng ý rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng ý rút yêu cầu. Quy định này nhằm giải quyết triệt để vụ án, bởi vì việc hủy bỏ quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện không đồng nghĩa với việc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức đã bị hành vi hành chính xâm phạm trước đó. Thêm vào đó, trong VAHC ngoài việc xem xét tính hợp pháp của đối tượng bị khởi kiện thì nhiều vấn đề khác còn được xem xét như buộc cơ quan, tổ chức bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức bị xâm phạm do quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật gây ra và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

- *Thời hiệu khởi kiện đã hết.*

Theo quy định của LTTTC năm 2010 thì “*thời hiệu khởi kiện đã hết mà không có lý do chính đáng*” là một trong những căn cứ để Tòa án trả lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến LTTTC hiện nay quy định khi thời hiệu khởi kiện đã hết là căn cứ để Tòa án phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Theo đó, thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết VAHC bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì

³⁵ Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), lttđ, tr.304.

mất quyền khởi kiện³⁶. Do đó, nếu trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán phát hiện thời hiệu khởi kiện đã hết thì Thẩm phán phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

- Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 của LTTTC mà Tòa án đã thụ lý.

Trả lại đơn khởi kiện là biểu hiện của việc Tòa án từ chối thụ lý vụ án, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện chính là cơ sở cho thấy VAHC không thể phát sinh³⁷. Về nguyên tắc khi người khởi kiện nộp đơn khởi kiện, Tòa án sẽ tiến hành xem xét đơn khởi kiện có thuộc một trong các trường hợp phải trả lại đơn theo khoản 1 Điều 123 LTTTC năm 2015 hay không, nếu thuộc trong các trường hợp luật định Tòa án phải ra thông báo trả lại đơn khởi kiện. Tuy nhiên, vì lý do nào đó có thể chủ quan, khách quan mà sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án mới phát hiện là vụ việc khởi kiện thuộc trường hợp Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện thì Tòa án sẽ phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đó và trả lại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ cho người khởi kiện nếu có yêu cầu, vì việc tiếp tục giải quyết vụ án dẫn đến vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật.

Điều 144 LTTTC năm 2015 quy định hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án được quy định. Theo đó, 1/ Việc không thực hiện đúng quy định này đều được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục TTHC và nó có thể là đối tượng để đương sự kháng cáo, VKS kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. 2/ Khi quyết định đình chỉ giải quyết vụ án có hiệu lực pháp luật, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 123 của LTTTC 2015 và trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà đương sự đã nộp được xử lý theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

³⁶ Khoản 1 Điều 116 LTTTC năm 2015.

³⁷ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.426.

1.3.3. Quyết định đưa vụ án ra xét xử

Sau khi thấy rằng việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ, Tòa án nhận thấy đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, không có căn cứ để tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải có nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 146 và đúng mẫu 16-HC trong Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được gửi ngay cho đương sự, VKS cùng cấp ngay sau khi ra quyết định. Bên cạnh đó, Tòa án phải gửi hồ sơ vụ án cùng với việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử cho VKS cùng cấp nghiên cứu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, VKS phải trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án.

Một trong những nội dung quan trọng nhất của quyết định đưa vụ án ra xét xử là thời điểm mở phiên tòa. Tại Điều 149 LTTTC hiện nay quy định trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa; trường hợp có lý do chính đáng, thì thời hạn mở phiên tòa có thể kéo dài, nhưng không quá 30 ngày. Tiếp theo là, Tòa án phải tuyên bố về xét xử công khai hay xét xử kín, về tên của những người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nội dung cơ bản nhất của quyết định đưa vụ án ra xét xử là nội dung khởi kiện, trong đó nêu rõ yêu cầu của người khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Song hành với sự phát triển của xã hội, sự tiến bộ của nhân loại, nền tư pháp nước ta đang từng ngày đổi mới và dần hoàn thiện hơn. Các quy định của LTTTC về hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm mang tính kế thừa và phát huy những tiến bộ của các văn bản tố tụng trước đó. Đồng thời ban hành những quy định mới tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm. Trong phạm vi Chương 1, tác giả trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vai trò và pháp luật về trình tự giải quyết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC. Từ các lý luận đó tiếp tục phân tích nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán và các công việc tiến hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành bao gồm: yêu cầu đương sự nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ, văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện cho Tòa án; yêu cầu người khởi kiện nộp bản sao tài liệu, chứng cứ để Tòa án gửi cho đương sự; xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật; quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; nghiên cứu hồ sơ vụ án; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án có thể ban hành các quyết định sau: quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÀNH CHÍNH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

2.1 Thực tiễn pháp luật tố tụng hành chính Việt Nam về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

LTTHC năm 2015 ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của LTTHC năm 2010, song đồng thời bổ sung nhiều quy định mới theo hướng đáp ứng các yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội và quá trình hội nhập quốc tế. Trong đó, việc tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về hoạt động chuẩn bị xét xử trong TTHC đã đem lại những khởi sắc trong việc thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn này, từng bước có trọng tâm, đi vào nền nếp, công tác chuẩn bị xét xử càng được đảm bảo về nội dung và thủ tục. Thông qua các kết quả đạt được trong giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHC, có thể đánh giá tổng quan và toàn diện về các kết quả, thành tựu của công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC mà Tòa án các cấp đã đạt được

Có thể nói, trong những năm gần đây, công tác giải quyết VAHC nói chung và xét xử sơ thẩm VAHC nói riêng ngày càng tăng về số lượng, nội dung các khiếu kiện hành chính hiện nay diễn biến phức tạp, diễn ra trong nhiều lĩnh vực của quản lý hành chính nhà nước. Thông qua báo cáo công tác tổng kết năm 2022 của ngành Tòa án về giải quyết các VAHC cho thấy, các khiếu kiện hành chính chủ yếu liên quan tới quản lý nhà nước về đất đai chiếm tỷ lệ khá nhiều khoảng 78.71% trên tổng số các khiếu kiện hành chính³⁸. Tuy nhiên, với sự nỗ lực không ngừng nghỉ của ngành Tòa án, tỷ lệ khiếu kiện hành chính được thụ lý và đưa ra giải quyết ngày càng tăng cao, vượt tiêu chuẩn so với chỉ tiêu Tòa án đề ra, qua đó đáp ứng nhu cầu về thực tiễn, đảm bảo được chất lượng xét xử, tạo được niềm tin của người dân. Hầu hết, các bản án, quyết định của Tòa án (trong đó có bản án, quyết định sơ thẩm) đều có chất lượng, đáp ứng yêu cầu về nội dung và hình thức. Tỷ lệ bản án, quyết định hành chính bị Tòa án cấp trên hủy, sửa đổi rất ít; các bản án, quyết định bị hủy, bị sửa do nguyên nhân chủ quan là phần lớn. Bên cạnh đó, Tòa án các cấp chú trọng, quan tâm, tăng cường công tác đối thoại, phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn, thể, cơ quan có liên quan để xây dựng, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ cần thiết nhằm bảo đảm vụ án được

³⁸ Tòa án nhân dân tối cao (2022), *Dự thảo báo cáo Tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023*, Hà nội, tr.6.

giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Các Tòa án đã tăng cường tổ chức các phiên tòa xét xử trực tuyến, góp phần làm hạn chế việc phải hoãn phiên tòa nhiều lần, hạn chế việc xét xử vắng mặt người bị kiện, giảm bức xúc chi chủ thể đi kiện.

Từ các đánh giá, phân tích sơ bộ trên, chúng ta có thể thấy giai đoạn chuẩn bị xét xử VAHC đã và đang đạt được những kết quả tích cực và góp phần vào công cuộc xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp lý của nhà nước Việt Nam.

Theo đó, để tăng thêm tính thuyết phục cũng như chứng minh cho các đánh giá, nhận định trên, tác giả đã công phu nghiên cứu các báo cáo tổng kết công tác năm của ngành Tòa án từ năm 2019 đến năm 2023 để trích lọc số liệu, bảng số liệu dưới đây sẽ chứng minh cụ thể:

Bảng 1. Báo cáo kết quả và chất lượng VAHC thụ lý và giải quyết của TAND các cấp từ năm 2019 đến năm 2023.

Năm	Thụ lý (vụ)	Giải quyết, xét xử (vụ)	Tỷ lệ giải quyết, xét xử (%)	Tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy (%)	Tỷ lệ bản án, quyết định bị sửa (%)
2019	10.785	7.142	66.22	4.16	3.4
2020	12.470	8.582	68.8	3.26	2.92
2021	10.728	5.693	53.1	3.3	2.81
2022	11.746	8.524	72.6	3.8	3.3
2023	12.162	9.130	75.07	2.77	2.97

Nguồn: Báo cáo Tổng kết công tác năm của TAND tối cao qua các năm.

Thông qua các thông số trên, cho thấy rằng: TAND các cấp trên phạm vi cả nước từ năm 2019 đến năm 2023 đã thụ lý 57.891 VAHC. Số VAHC được thụ lý qua các năm có xu hướng ngày càng tăng, từ 10.785 vụ (2019) lên đến 12.162 vụ (2023), tăng 1.377 vụ. Song, số lượng các vụ án được thụ lý đưa ra giải quyết, xét xử có biến động, nhìn chung có chiều hướng tăng theo các năm, tỷ lệ án còn tồn đọng không đáng kể, giảm dần theo từng năm. Năm 2019, tỷ lệ giải quyết, xét xử các vụ án đạt

66.22%; đến năm 2023 tỷ lệ giải quyết, xét xử các vụ án đạt 75.07%, đã tăng 8,85%. Tuy nhiên, một số Tòa án chưa khắc phục triệt để việc để các vụ án quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan của Tòa án. Số bản án, quyết định của Tòa án các cấp nói chung và của Tòa án cấp sơ thẩm nói riêng bị hủy, sửa bởi Tòa án cấp trên qua các năm cũng có sự biến động nhưng theo chiều hướng giảm dần, riêng năm 2023, tỷ lệ bản án, quyết định bị hủy, sửa rất ít. Trong giai đoạn 2019 – 2021³⁹ TAND các cấp đã giải quyết đạt tỷ lệ 81,2%, vượt chỉ tiêu Quốc hội giao tại Nghị quyết số 96⁴⁰ (là trên 60%). Qua đó, có thể thấy rằng công tác xét xử của Tòa án trong phạm vi cả nước đã và đang thực hiện khá tốt về trình tự, thủ tục tố tụng, cũng như áp dụng pháp luật nội dung trong quá trình giải quyết VAHC nhờ đó chất lượng của các bản án, quyết định ngày càng được nâng cao, điều đó cũng đồng nghĩa với việc chất lượng của công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC được thực hiện ngày càng đảm bảo hơn, khẳng định được vị thế tiền đề quan trọng trước khi tổ chức phiên tòa sơ thẩm. Đây là những tín hiệu tích cực trong quá trình TTHC.

Song, nhìn chung, khi giải quyết VAHC, ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, hầu hết các Tòa án thực hiện nghiêm chỉnh, đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành các văn bản tố tụng thông báo các đương sự đúng quy định của pháp luật⁴¹. Về công tác lập hồ sơ vụ án, các Tòa án đã tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan liên ngành xây dựng hồ sơ vụ án, việc thu thập tài liệu, chứng cứ được thực hiện nghiêm túc nhằm bảo đảm giải quyết vụ án đúng pháp luật⁴².

Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại cũng được chú trọng, tuân thủ đầy đủ các quy định của LTTHC, tạo điều kiện thuận lợi để đương sự tiếp cận chứng cứ, chất lượng hiệu quả được bảo đảm tương đối tốt. Bên cạnh đó, các Tòa án còn chú trọng tổ chức đối thoại giữa người khởi kiện, người bị kiện, khắc phục việc quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật do nguyên nhân chủ quan. Trong quá trình giải quyết VAHC, đối thoại là

³⁹ Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Báo cáo Kết quả giám sát “Việc chấp hành pháp luật về TTHC trong giải quyết các VAHC, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND, UBND, 9/2022”.

⁴⁰ Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội “Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKS nhân dân, TAND và công tác thi hành án”.

⁴¹ Tài liệu tập huấn nghiệp vụ xét xử các vụ án giữa các Tòa án khu vực phía bắc do TAND cấp cao Hà Nội tổ chức, năm 2022, tr.34.

⁴² Tòa án nhân dân tối cao (2022), lttđ, tr.6.

một thủ tục đặc trưng trước khi mở phiên tòa sơ thẩm. Hiện nay, các Tòa án đã chú trọng, tăng cường việc tổ chức đối thoại giữa người khởi kiện và người bị kiện, nâng cao số lượng vụ án được đối thoại thành khẳng định được sự chuyên tâm của các Tòa án trong công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm góp phần giải quyết triệt để các tranh chấp phát sinh khiếu kiện các VAHC.

Liên quan đến hoạt động ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Hiện nay, trong các văn bản báo cáo tổng kết, rút kinh nghiệm của Tòa án các cấp chưa có văn bản riêng biệt đề cập trực tiếp đến kết quả thực hiện hoạt động trên. Do đó, để có số liệu chính thức nhằm biểu đạt về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có những sự trở ngại, hạn chế trong khóa luận này của tác giả. Trong giới hạn phạm vi thời gian nghiên cứu, tác giả cố gắng tiếp cận và đọc 200 Bản án phúc thẩm của TAND thành phố Hồ Chí Minh, TAND thành phố Hà Nội. Trong đó, chỉ có 1 bản án thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời chưa chính xác⁴³. Như vậy, về cơ bản các Tòa án đã ban hành quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có chất lượng, phù hợp với quy định của pháp luật, ít trường hợp bị Tòa án cấp phúc thẩm xác định là vi phạm thủ tục tố tụng.

Xuất phát từ hậu quả pháp lý khá quan trọng của hoạt động tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết VAHC trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, một khi hai quyết định không được ban hành chính xác có thể mất đi cơ hội của đương sự trong việc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Vì vậy, khi áp dụng pháp LTTHC trong thực tiễn để đình chỉ hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán tại các Tòa án luôn trong tâm thế thận trọng xem xét, kỹ lưỡng, đối chiếu và xác minh cụ thể mới ban hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án.

Tựu chung lại, trong thời gian vừa qua, việc các Tòa án đã không ngừng đẩy mạnh thụ lý và đưa các vụ án nói chung và VAHC nói riêng ra xét xử kịp thời có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng của hoạt động chuẩn bị xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm được nâng cao, ít vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, đáp

⁴³ Bản án số 1199/2018/HC -PT ngày 26/12/2018 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

ứng được kỳ vọng của nhân dân. Đây chính là các tín hiệu tích cực, những thành tích đáng ghi nhận của các Tòa án, đóng góp không nhỏ vào công tác chuẩn bị xét xử chu toàn, tập trung, các hoạt động đều được Thẩm phán tiến hành nghiêm chỉnh, vận dụng đúng và đủ quy định của LTTHC, chất lượng được bảo đảm ở mức độ tốt nhất.

Với tính chất là giai đoạn bước đệm chuẩn bị cho giai đoạn xét xử sơ thẩm VAHC, cùng với một số lý do chủ quan và khách quan các Tòa án vẫn còn tồn tại một số vướng mắc, hạn chế trong thực hiện. Cụ thể:

Thứ nhất, một số Tòa án cấp sơ thẩm không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại

Tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại là một trong những công việc của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC. Trong VAHC khi không tiến hành được thủ tục đối thoại thì Thẩm phán chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, từ khi LTTHC 2015 có hiệu lực thi hành đến nay chất lượng của phiên họp chưa thực sự đạt được mục đích như mong muốn. Trong thực tiễn thi hành pháp luật vẫn có một số trường hợp Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thủ này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng tranh tụng và quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đơn cử là vụ án sau đây:

Ngày 17/11/2017, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3074/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với bà V. Không đồng ý, bà V khởi kiện VAHC và được TAND tỉnh L thụ lý giải quyết. Ngày 30/11/2018 của TAND tỉnh L ban hành bản án bản án hành chính sơ thẩm số 166/2018/HC-ST với nội dung tuyên bác yêu cầu khởi kiện. Ngày 30/11/2018, người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và được thụ lý giải quyết phúc thẩm. Trong quá trình xét xử Tòa án cấp phúc thẩm nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể, ngày 15/10/2018, TAND tỉnh L mở phiên tòa theo thủ tục rút gọn nhưng do xuất hiện tình tiết mới, nên đã ban hành Quyết định số 02/2018/QĐST-HC chuyển vụ án sang thủ tục thông thường. Tại biên bản phiên tòa rút gọn Thẩm phán đã có tiến hành thủ tục rút gọn nhưng tại phiên tòa này không có mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện nên không có căn cứ để xác định vụ án thuộc các trường hợp không tiến hành đối thoại được. Trong quá trình chuyển sang giải quyết vụ theo thủ tục thông thường,

Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo, không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Trên cơ sở đó, ngày 25/10/2019, TAND cấp cao tại thành phố H đã ban hành bản án hành chính phúc thẩm số 768/2029/HC-PT quyết định hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho TAND tỉnh L xét xử lại⁴⁴. Có thể thấy, trong bản án trên TAND tỉnh L đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi, trong quá trình chuyên sang giải quyết vụ theo thủ tục thông thường, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo, không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Điều này là chưa phù hợp theo quy định tại các Điều 136, 137, 138 và 139 của LTTTC hiện hành gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm chưa có sự thống nhất trong xử lý kết quả đối thoại quy định tại khoản 3 Điều 140 LTTTC năm 2015

Do chưa có sự quy định rõ ràng của pháp luật hiện hành dẫn đến việc Thẩm phán áp dụng căn cứ để ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ vụ án có sự không thống nhất trên thực tiễn. Đơn cử là hai vụ án sau:

Vụ án thứ nhất, ngày 15/6/2022 TAND thành phố P, tỉnh K ban hành Quyết định số 01/2022/QĐST-HC công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án, giữa người khởi kiện là bà L với người khởi kiện là Chủ tịch UBND phường A. Cụ thể, theo căn cứ Trích đo địa chính thửa đất khiếu kiện hành chính số TĐ 294-2022 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố P lập ngày 06/5/2022: Bà L đồng ý giao diện tích đất 207,3m² (gồm các điểm 2, 3, 4, 30, 33, 7) tại khu phố 4, phường A, thành phố P để sử dụng làm đường đi chung. Chủ tịch UBND phường A đồng ý giao lại diện tích đất 211,8m² (gồm các điểm 29, 30, 33, 31, 32, 38, 37, 36, 35, 34) và diện tích đất 7,9m² (gồm các điểm 7, 8, 31) tại khu phố 4, phường A, thành phố P cho bà L sử dụng; đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc người bị kiện đã thực hiện nội dung đối thoại thành và người khởi kiện đã nộp cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện, không có đương sự nào có ý kiến

⁴⁴ Bản án số 768/2019/HC-PT ngày 25/10/2019 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh “V/v khiếu kiện quyết định hành chính về cưỡng chế thi hành quyết định thu hồi đất”.

*phản đối*⁴⁵. Có thể thấy trong vụ án này, TAND thành phố P đã ban hành quyết định công nhận đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án khi cả người khởi kiện và người bị kiện đã cùng thực hiện cam kết và ban hành sau khi hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc các bên đã thực hiện cam kết mà không có đương sự nào có ý kiến phản đối.

*Vụ án thứ hai, ngày 22/9/2020, TAND huyện Y, Tỉnh H đã ban hành Quyết định số 02/2020/QĐST-HC về công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án, giữa người khởi kiện là ông T và người bị kiện là Chi cục thuế khu vực L – Y, tỉnh H. Trong mục xét thấy của quyết định có nội dung như sau: nội dung thống nhất giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội. Người bị kiện đã ban hành quyết định hành chính số: 3329/CCT-NVQLT ngày 10/9/2019 thu hồi và hủy Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất và tiền sử dụng đất bị khởi kiện và người khởi kiện đã nộp cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện; đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc người bị kiện đã ban hành quyết định hành chính mới và người khởi kiện đã nộp cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện, không có đương sự nào có ý kiến phản đối*⁴⁶. Có thể thấy, trong quyết định này cơ sở để Tòa án ban hành chỉ ghi nhận người khởi kiện rút đơn khởi kiện, đã hết 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc người khởi kiện đã nộp cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện, không có đương sự nào có ý kiến phản đối chưa đề cập đến việc thực hiện cam kết của người bị kiện.

Thứ ba, vẫn còn tình trạng Thẩm phán chưa hiểu rõ nội dung các căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án dẫn đến ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án không đúng

Ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án là nhiệm vụ, quyền hạn Thẩm phán phân công giải quyết vụ án có thể ban hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC. Theo các báo cáo tổng kết cuối năm của ngành Tòa án gần đây, hầu hết các quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án được Thẩm phán ban hành là có căn cứ, đúng luật, tuy nhiên vẫn còn một số Thẩm phán tạm đình chỉ, đình

⁴⁵ Quyết định số 01/2022/QĐST-HC ngày 15 tháng 6 năm 2022 của TAND thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang về quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án.

⁴⁶ Quyết định số 02/2020/QĐST-HC ngày 22 tháng 9 năm 2020 của TAND Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình về quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án.

chỉ vụ án, chưa đúng luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong VAHC. Đơn cử như hai vụ án sau đây:

Vụ án thứ nhất, *Thẩm phán ban hành quyết định đình chỉ giải quyết chưa chính xác:* Ngày 26/02/2024 TAND Thành phố Đ ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết VAHC số 10/2024/QĐST-HC về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện ông H và bà N với người bị kiện là UBND huyện M, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là ông C và bà H1. Không đồng ý với quyết định trên, ngày 08/03/2024 ông H và bà N làm đơn kháng cáo, đề nghị hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và được thụ lý giải quyết phúc thẩm. Tại phiên họp Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ việc ông H và bà N không cung cấp được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C, bà H1 để xác định ông H, bà N khởi kiện đến Tòa án còn thiếu một trong các điều kiện khởi kiện để đình chỉ giải quyết VAHC là không đúng với quy định của LTTHC, từ đó đình chỉ việc giải quyết VAHC là không đúng quy định. Trên cơ sở đó, TAND cấp cao tại thành phố Đ đã ban hành quyết định số 233/2024/QĐ-HCPT, ngày 19/6/2024 quyết định chấp nhận kháng cáo của ông H và bà N; hủy Quyết định đình chỉ giải quyết VAHC của Tòa án cấp sơ thẩm⁴⁷. **Như vậy,** trong vụ án trên có thể thấy rằng Tòa án đã xem xét thiếu một trong các điều kiện để đình chỉ giải quyết vụ án là chưa phù hợp với đúng quy định tại các Điều 115, Điều 118, điểm c khoản 2 Điều 123 LTTHC, điểm b khoản 1 Điều 143 LTTHC. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có nghĩa là không phải giải quyết vụ án.

Vụ án thứ hai, *Thẩm phán ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết chưa chính xác:* Ngày 24/8/2022, TAND thành phố C đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 03/2022/QĐST – HC về việc khiếu kiện quyết định hành chính giữa người khởi kiện là ông T với người bị kiện là UBND quận N1, thành phố C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà S. Không đồng ý, ngày 06/9/2022 ông T kháng cáo và được thụ lý giải quyết phúc thẩm. Tại phiên họp Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy TAND thành phố C đã ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ

⁴⁷ Quyết định số 233/2024/QĐ-HCPT ngày 19/6/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng về quyết định giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết VAHC.

án là không có căn cứ. Bởi Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng, trong các yêu cầu khởi kiện của ông T, có quyết định hành chính số 6760/QĐ-UBND ngày 16/10/2018 của UBND quận N1 ghi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà S bị thu hồi đất; bà S đã chết vào ngày 10/11/2021, bà N2 là con của bà S yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tiền bồi thường đối với phần đất có mộ bị thu hồi với ông T, yêu cầu này không thể giải quyết VAHC mà cần phải giải quyết tranh chấp về dân sự, theo thủ tục tố tụng dân sự. Sau khi giải quyết xong nội dung tranh chấp này thì vụ án sẽ tiếp tục được giải quyết. Tuy nhiên, trong hồ sơ không có tài liệu nào thể hiện Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự của bà N2. Vì vậy, TAND cấp cao tại thành phố H đã ban hành quyết định số 134/2023/QĐ-PT chấp nhận kháng cáo của ông T, hủy Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ cho TAND thành phố C tiếp tục giải quyết vụ án⁴⁸. **Như vậy**, TAND thành phố C căn cứ vào điểm d Điều 141 LTTHC để tạm đình chỉ giải quyết vụ án là không chính xác. Bởi vì, bà N2 yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tiền bồi thường đối với phần đất có mộ bị thu hồi với ông T nhưng yêu cầu này chưa được Tòa án thụ lý giải quyết.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hành chính Việt Nam về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

Để có thể đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện, khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện giai đoạn chuẩn bị xét xử VAHC cần phải xác định các nguyên nhân gây nên những hạn chế, vướng mắc đó. Nhận thức rõ điều đó tác giả đã tập trung nghiên cứu các nguyên nhân của những hạn chế nêu trên và xác định được 2 nhóm nguyên nhân căn bản sau:

2.2.1 Nguyên nhân về mặt pháp lý

So với LTTHC trước đây, các quy định của LTTHC hiện hành đã có nhiều thay đổi, bổ sung mang tính hoàn thiện hơn. Tuy nhiên, với tính chất là một giai đoạn mang tính chất nền tảng, đòi hỏi các chủ thể có thẩm quyền phải nghiên cứu hồ sơ một cách cẩn trọng, tỉ mỉ, từ khi tiếp nhận đơn khiếu kiện cho đến khi ban hành ra các quyết định đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án và đưa vụ án ra xét xử. Cùng với

⁴⁸ Quyết định số 134/2023/QĐ-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về Quyết định giải quyết kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ giải quyết VAHC.

những vướng mắc, hạn chế trong thực tiễn triển khai quy định này đã cho thấy quy định của LTTHC về chuẩn bị xét xử vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, quy định của LTTHC về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại chưa hoàn thiện

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, việc Thẩm phán tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại là nội dung vô cùng quan trọng, là hoạt động trung tâm của giai đoạn này. Phiên họp này có ý nghĩa giúp cho các đương sự được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của vụ án, tăng cường tính tranh tụng, thiết lập các luận cứ, luận điểm để bảo vệ quyền lợi của mình tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Sự xuất hiện của phiên họp này còn đảm bảo tính minh bạch, có thật của các chứng cứ, là cơ sở để Tòa án sử dụng chứng cứ giải quyết vụ án một cách thấu tình, đạt lý. Thế nhưng, bên cạnh những điểm thành công đáng ghi nhận, quy định của LTTHC về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại còn một vài hạn chế như:

Một là, Điều 136 LTTHC chưa quy định rõ ràng về hình thức và nội dung của “thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại”

Khoản 1 Điều 136 LTTHC quy định: “*Trước khi mở phiên họp này, Thẩm phán có trách nhiệm thông báo cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại*”. Đây là quy định cần thiết để đảm bảo rằng các đương sự có quyền được nắm bắt thông tin về phiên họp và tạo điều kiện cho họ tham gia tham gia phiên họp có hiệu quả, chủ động. Thế nhưng, LTTHC, các văn bản hướng dẫn thi hành và các công văn giải đáp thắc mắc của TAND tối cao hàng năm không đề cập cụ thể hình thức của thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, cụ thể là hình thức thông báo là bằng văn bản hay bằng miệng; nếu bằng văn bản thì văn bản có những nội dung nào? Hiện nay, Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP của TAND tối cao cũng không quy định về biểu mẫu Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Do đó, trong thực tiễn, khó tránh khỏi một số hồ sơ VAHC trình bày các biểu mẫu có

sự khác nhau về bố cục, tùy theo tính tùy nghi ban hành của từng Tòa án. Một số Tòa án ghi thêm căn cứ pháp lý để ban hành thông báo, có Tòa án lại không ghi. Đây là nguyên nhân làm cho chất lượng cũng như hiệu quả của phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại chưa được đảm bảo, thực hiện chưa đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên phạm vi cả nước. Vì vậy, theo quan điểm của tác giả, việc thiếu các quy định cụ thể về hình thức, nội dung thông báo nêu trên là một hạn chế cần làm rõ và hoàn thiện hơn.

Hai là, quy định về trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thiếu cụ thể, rõ ràng

Có thể thấy, công tác giải quyết VAHC là một quá trình phức tạp, gồm nhiều trình tự, thủ tục, các phiên họp khác nhau. Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại có quy định tương đối đầy đủ về trình tự tiến hành. Thế nhưng, khi căn cứ vào thực tiễn áp dụng pháp luật, mức độ đầy đủ đó lại chưa hẳn là toàn diện. Nhìn chung, Điều 138 LTTHC chỉ mới quy định về thủ tục trước khi khai mạc phiên họp, thủ tục Thẩm phán kiểm tra căn cước của những người tham gia; phổ biến cho các đương sự biết về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật mà LTTHC chưa quy định cụ thể về thủ tục khai mạc phiên họp, giới thiệu mục đích của phiên họp, thủ tục giới thiệu các thành phần tiến hành tố tụng, tham gia trong phiên họp; thủ tục kết thúc phiên họp. Bởi lẽ, điểm khiếm khuyết này có thể dẫn đến việc tổ chức phiên họp không rõ ràng về mục đích, thiếu đi tính trang trọng, trình tự phiên họp cũng thiếu logic và cụ thể hơn là chưa xứng tầm với quy mô và tính chất của một phiên họp trong TTHC.

Ngoài ra, tác giả cho rằng việc gộp hai thủ tục là kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục đối thoại vào trong cùng một phiên họp với tên gọi chung là *phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại* có phần khiên cưỡng, thiếu sự ăn nhập với nhau, gây ra sự khó hiểu cho những người nghiên cứu lẫn các chủ thể áp dụng pháp luật. Bản chất, mục đích, nội dung của hai thủ tục này khác nhau rõ ràng. Trong khi mục đích của thủ tục tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là bảo đảm mọi tài liệu, chứng cứ của vụ án phải được công khai, tiếp cận trong quá trình TTHC thì mục đích của việc đối thoại lại bảo đảm cho các đương sự có cơ hội thống nhất, bàn bạc với nhau, thống

nhất về việc giải quyết tranh chấp. Do vậy, việc kết hợp hai thủ tục này trong một phiên họp như trên là thiếu tính rõ ràng, việc thiết kế tiến trình của một phiên họp với hai mục đích khác nhau từ góc độ pháp luật cũng khó hình dung và có phần nhập nhằng. Thực tế, quy định của LTTHC có quy định phân mở đầu của phiên họp nhưng sau khi quy định trình tự của phiên họp thì lại không đề cập đến phần kết thúc của một phiên họp. Nói chung, tác giả nhận thấy sự tản mạn của phiên họp này cần phải có đề xuất hướng dẫn khắc phục theo hướng khoa học, tường minh hơn.

Thứ hai, quy định về cách xử lý kết quả đối thoại tại khoản 3 Điều 140 của LTTHC 2015 chưa được thống nhất, tạo ra cách hiểu khác nhau

Quy định về cách thức xử lý kết quả đối thoại trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại trong LTTHC rất quan trọng. Nếu quy định rõ ràng sẽ tạo hành lang pháp lý vững chắc để Thẩm phán xử lý kết quả đối thoại cho chính xác, phù hợp với ý chí của các đương sự. Thế nhưng, khi nghiên cứu về quy định của LTTHC về xử lý kết quả đối thoại tại khoản 3 Điều 140, tác giả nhận thấy quy định còn thiếu sự minh thị. Bởi lẽ:

Nếu qua đối thoại mà người bị kiện cam kết sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quyết định bị khởi kiện hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện cam kết rút đơn khởi kiện. Ở trường hợp này, Tòa án sẽ tiến hành lập biên bản về việc cam kết của đương sự. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản, người bị kiện phải gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới hoặc thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện phải gửi cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện. Hết thời hạn này mà một trong các đương sự không thực hiện cam kết của mình thì Thẩm phán tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án⁴⁹. Như vậy, khi các bên đương sự, cụ thể là người khởi kiện, người bị kiện đưa ra cam kết nhưng một trong số họ lại không thực hiện cam kết thì Tòa án sẽ tiến hành mở phiên tòa. Điều này nhằm bảo đảm toàn diện ý chí của đương sự, tránh đi tình trạng ban hành quyết định công nhận đối thoại thành không đúng với ý chí của tất cả các đương sự.

⁴⁹ Điều 140 LTTHC năm 2015.

Ngoài ra, đoạn 2 khoản 3 Điều 140 LTTHC còn quy định “*Trường hợp nhận được quyết định hành chính mới **hoặc** văn bản rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải thông báo cho các đương sự khác biết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ việc giải quyết vụ án và gửi ngay cho đương sự, VKS cùng cấp*”. Quy định này cho thấy, các bên đương sự đã thực hiện cam kết và nó có thể là cơ sở để Tòa án ban hành quyết định công nhận đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, lỗi quy định của điều khoản có phần thiếu dứt khoát, quy định còn “lấp lửng”, chưa thể hiện rõ dụng ý chính thức của nhà làm luật. Do vậy, trên thực tiễn vận dụng pháp luật hiện nay, còn tồn tại hai cách tiếp cận và xử lý thiếu nhất quán⁵⁰.

Cách tiếp cận thứ nhất, quy định này được hiểu là, *trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản về việc cam kết của đương sự, người khởi kiện và người bị kiện phải thực hiện cam kết. Khi cả người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện cam kết, Tòa án sẽ tiến hành thông báo cho các đương sự khác biết về việc thực hiện cam kết của các bên. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án.* Đơn cử như vụ án giữa người khởi kiện là bà L với người bị kiện là Chủ tịch UBND phường A, tác giả đã nêu tại phần thực tiễn khó khăn, vướng mắc của Tòa án tại mục 2.1 của Khóa luận này. Trong Quyết định này, TAND tỉnh P đã ban hành quyết định công nhận đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án khi **cả người khởi kiện và người bị kiện đã cùng thực hiện cam kết** và ban hành sau khi hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc các bên đã thực hiện cam kết mà không có đương sự nào có ý kiến phản đối.

Cách tiếp cận thứ hai, *trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản về việc cam kết của các đương sự, khi một bên đương sự thực hiện cam kết (người khởi kiện có văn bản rút đơn khởi kiện hoặc người bị kiện gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới, thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính), Tòa án phải thông báo cho các đương sự biết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của*

⁵⁰ Nguyễn Hoàng Yến (2018), “Xử lý kết quả đối thoại trong TTHC”, *Tap chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12/2018, tr.12.

Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối nghĩa là mặc nhiên xem như đồng ý với nội dung đã cam kết trước đây, Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án. Đơn cử cho trường hợp này là vụ án giữa người khởi kiện là ông T với người bị kiện là Chi cục thuế khu vực L – Y, thành phố Y, tác giả đã nêu tại phần hạn chế, thực tiễn khó khăn, vướng mắc của Tòa án tại mục 2.1 của Khóa luận này. Theo đó, tại phần xét thấy của Quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án chỉ ghi nhận người khởi kiện rút đơn khởi kiện, đã hết 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc người khởi kiện đã nộp cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện, không có đương sự nào có ý kiến phản đối chưa đề cập đến việc thực hiện cam kết của người bị kiện.

Như vậy, qua hai cách tiếp cận trên, cách hiểu của Tòa án về hướng tiếp cận đều có sự hợp lý nhất định nhưng cách tiếp cận nào là phù hợp với ý chí của nhà làm luật thì cần phải quy định cho thấu đáo và toàn diện hơn, tránh để việc hiểu và áp dụng pháp luật giữa các Tòa án thiếu đồng bộ, chưa thực sự bảo đảm được trọn vẹn ý chí của tất cả các đương sự trong quyết định công nhận đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án.

Ngoài ra, trong quy định về xử lý kết quả đối thoại, LTTTC hoàn toàn không đề cập đến cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là vấn đề cần phải xem xét thấu đáo. Bởi lẽ, đối thoại không phải thủ tục dành riêng cho sự thống nhất giữa người khởi kiện, người bị kiện mà dành chung cho tất cả các đương sự của vụ án. Đương sự là một khái niệm bao gồm cả người khởi kiện, người bị kiện và cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan⁵¹. Nên đối thoại là cơ sở để cả người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện quan điểm, ý chí của mình về hướng giải quyết chấm dứt tranh chấp hành chính giữa họ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tuy không là đương sự làm phát sinh VAHC, nhưng họ cũng có quyền đề xuất các ý kiến, quan điểm về phần vụ án liên quan đến quyền và lợi ích của họ⁵². Do vậy, việc LTTTC không đề cập đến cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu toàn diện, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chủ thể này.

⁵¹ Khoản 7 Điều 3 LTTTC 2015.

⁵² Nguyễn Hoàng Yến (2018), “Xử lý kết quả đối thoại trong TTHC”, *Tap chí Nhà nước và Pháp luật*, số 12/2018, tr.15.

Không chỉ dừng lại ở đó, khoản 3 Điều 140 LTTHC quy định: “*Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán phải ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành và đình chỉ giải quyết vụ án*”. Theo quy định này, “*các đương sự không có ý kiến phản đối*” tức là hỏi ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Giả sử trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có ý kiến phản đối thì Thẩm phán sẽ giải quyết như thế nào? Vấn đề này hiện nay chưa có quy định cụ thể và đây là thiếu sót cần bổ sung.

Thứ ba, quy định của pháp LTTHC về quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm còn bất cập, hạn chế

So với pháp LTTHC trước đây, quy định của pháp LTTHC hiện hành về quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án có sự toàn diện hơn. Thế nhưng, dựa vào thực tiễn xét xử, một vài quy định của pháp LTTHC về quyết định tạm đình chỉ còn hạn chế, cụ thể như sau:

Một là, chưa có sự thống nhất về căn cứ tạm đình chỉ tại khoản 1 Điều 141 với khoản 18 Điều 55 LTTHC năm 2015

Theo khoản 18 Điều 55 LTTHC năm 2015 đương sự “*có quyền đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án*”. LTTHC đã thừa nhận quyền đề nghị Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ vụ án của đương sự, theo tinh thần này thì khi có yêu cầu của đương sự, Tòa án phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đảm bảo quyền cho đương sự⁵³. Thế nhưng, khi đối chiếu với các căn cứ tạm đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 141 LTTHC thì không có căn cứ tạm đình chỉ nào là “*đương sự được đề nghị Tòa án tạm đình chỉ quyết vụ án*”. Trên thực tiễn, khi đương sự đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán gặp khó khăn, lúng túng khi xử lý yêu cầu và thực tiễn còn tồn tại hai quan điểm trái chiều nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng: “*Nếu đương sự có yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ và đưa ra lý do chính đáng thì Tòa án mà cụ thể là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự*”.

⁵³ Trần Linh Huân (2014), *Tạm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.48.

Quan điểm thứ hai cho rằng: “*Khi đương sự đề nghị Tòa án tạm đình chỉ theo khoản 18 Điều 55, Tòa án chỉ chấp nhận ra quyết định tạm đình chỉ khi đề nghị của đương sự xuất phát từ một trong những căn cứ tạm đình chỉ tại khoản 1 Điều 141 LTTHC*”⁵⁴. Như vậy, việc hiểu đầy đủ, thống nhất về căn cứ tạm đình chỉ giữa khoản 18 Điều 55 và tại khoản 1 Điều 141 hiện nay mới chỉ dừng lại ở mặt nhận thức chủ quan của mỗi người, dẫn đến tạo ra cách hiểu khác nhau, làm cho việc thực hiện pháp luật chưa đồng bộ. Hạn chế này cần phải có sự hướng dẫn rõ ràng từ các nhà lập pháp.

Hai là, LTTHC chưa quy định thời hạn Thẩm phán phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi xác định có căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; chưa quy định cụ thể về thời hạn Thẩm phán phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi lý do tạm đình chỉ vụ án không còn

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, khi xuất hiện một trong sáu căn cứ tạm đình chỉ LTTHC quy định thì Thẩm phán phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để bảo đảm tính đúng đắn khi giải quyết vụ án. Thế nhưng, LTTHC và các văn bản pháp luật có liên quan lại không quy định cụ thể trong thời hạn bao nhiêu ngày kể từ ngày có căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án thì Thẩm phán phải ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, Thẩm phán có thể tùy nghi lựa chọn thời gian ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án và đương nhiên có khả năng sẽ có Thẩm phán ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án rất trễ so với thời điểm xuất hiện căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Vô hình chung, sự thiếu cụ thể hướng dẫn về thời hạn đã nêu làm lỗ hổng để các Thẩm phán kéo dài việc giải quyết vụ án, gây bất lợi cho các đương sự có thiện chí muốn giải quyết nhanh vụ án của mình.

Bên cạnh đó, theo quy định của khoản 2 Điều 142 LTTHC, khi lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn thì Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Quyết định này được ban hành để bảo đảm đúng tiến độ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, LTTHC lại chưa quy định cụ thể về thời hạn là bao nhiêu ngày, Thẩm phán phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án

⁵⁴ Vương Văn Bép (2016), “Trao đổi một số vấn đề về quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết VAHC của Tòa án”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 24, tr.37.

và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn. Vì thế, khi áp dụng pháp luật, trên thực tiễn, khi căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án không còn, Thẩm phán sẽ ban hành ngay quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án hoặc sau nhiều ngày, sau 30 ngày, thậm chí thời hạn dài hơn nữa Thẩm phán mới ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Rõ ràng, việc không hạn định cụ thể thời hạn ban hành quyết định trên là khiếm khuyết quan trọng, làm cho việc áp dụng pháp luật thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến tiến trình giải quyết vụ án, quyền và lợi ích của đương sự cũng khó được bảo vệ kịp thời.

Thứ tư, một số quy định về đình chỉ giải quyết vụ án còn bất cập, hạn chế

Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi có hiệu lực pháp luật sẽ làm cho quá trình tố tụng chấm dứt. Vì lẽ đó, LTTTC đã quy định các trường hợp được đình chỉ giải quyết vụ án khi có một trong các căn cứ tại khoản 1 Điều 143 LTTTC. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng pháp luật, tác giả nhận thấy một số căn cứ còn vướng mắc, hạn chế gây khó khăn trong hoạt động áp dụng pháp luật.

Một là, căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án “Người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 143 LTTTC chưa rõ ràng

Tại Điều 59 LTTTC quy định cụ thể, khi người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền và nghĩa vụ của người đó được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng. Đây là quy định nhằm bảo đảm quyền tham gia tố tụng của đương sự, giúp họ bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình đến cùng của vụ án. Trên tinh thần ấy, trường hợp khi người khởi kiện là cá nhân chết mà quyền và nghĩa vụ được kế thừa thì người kế thừa được tham gia vào tố tụng. Song, không tất cả trường hợp quyền và nghĩa vụ của người khởi kiện chết mà vẫn được kế thừa, vẫn có những trường hợp mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế thì Tòa án sẽ đình chỉ giải quyết vụ án. Vì lẽ, việc tiếp tục giải quyết vụ án lúc này không còn ý nghĩa, có chăng chỉ làm kéo dài thời gian giải quyết gây lãng phí về thời gian, tiền bạc của Nhà nước. Thế nhưng, từ khi LTTTC hiện hành có hiệu lực thi hành đến nay, nội dung “*quyền và nghĩa vụ không được thừa kế*” không được hướng dẫn một cách cụ thể trong bất kỳ văn bản hướng dẫn thi hành, hay các văn bản giải đáp của TAND tối cao. Hiện nay, trong quá

trình tố tụng, các Thẩm phán có 2 cách hiểu được cho là điển hình như sau: (1) Quyền và nghĩa vụ không được thừa kế là quyền, nghĩa vụ liên quan đến nhân thân của người khởi kiện như quyền về họ, tên, quyền đổi tên, quyền xác định ngày, tháng năm sinh... (2) Quyền và nghĩa vụ không được thừa kế là quyền, nghĩa vụ liên quan đến tài sản được thừa kế nhưng không có người thừa kế. Từ góc độ lý luận hoặc xuất phát từ thực tiễn áp dụng pháp luật, hai cách hiểu đã tạo không ít lúng túng, vướng mắc khi Tòa án giải quyết vụ án nhưng có lẽ pháp LTTTC nên chăng cũng cần hướng dẫn cho thấu đáo, tránh đi những cách hiểu thiếu thống nhất, tạo ra cách xử lý của Tòa án không dựa trên mấu chốt là các quy định của pháp luật, chưa bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, LTTTC chưa quy định cụ thể về thời hạn ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi xuất hiện căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án⁵⁵

Theo các căn cứ để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, có những căn cứ thuộc về quyền tự quyết định, chủ động chấm dứt việc giải quyết vụ án từ chính các đương sự trong vụ án nhưng cũng có những căn cứ lại xuất phát từ những sự việc khách quan, không theo ý muốn của đương sự. Dù vậy, khi Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án thì Tòa án phải có trách nhiệm thẩm định, xác minh sự có hay không tồn tại của căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án, tránh các trường hợp đình chỉ không chính xác, gây ảnh hưởng đến các đương sự. Trường hợp có căn cứ theo đúng quy định của LTTTC, Tòa án phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, pháp LTTTC hiện hành lại không quy định thời hạn Tòa án phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi có căn cứ đình chỉ rõ ràng. Khiếm khuyết này có thể vô hình chung tạo ra lỗ hổng pháp lý làm cho việc ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của các Thẩm phán không thống nhất, thời hạn ban hành sẽ do chính các Thẩm phán quyết định theo sự tùy nghi của mình. Việc sớm ban hành quyết định đình chỉ khi xuất hiện căn cứ đình chỉ là cần thiết, giúp cho các đương sự nhận thức nhanh nhất về sự tồn tại của quyết định này, từ đó họ sẽ kịp thời thực hiện các quyền kháng cáo phù hợp quy định của pháp luật, bảo đảm tiến trình giải quyết

⁵⁵ Lê Thị Mơ, “Hoàn thiện quy định của Luật Tố tụng hành chính về đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm”, <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-cua-luat-to-tung-hanh-chinh-ve-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-trong-giai-doan-chuan-bi-xet-xu-so-tham11132.html> (truy cập ngày 20 tháng 8 năm 2024).

vụ án không bị gián đoạn quá lâu. Ở phía VKS, việc Thẩm phán chậm ban hành quyết định đình chỉ khi xuất hiện căn cứ đình chỉ cũng là điều mà VKS gặp khó khăn trong việc thực hành quyền kiểm sát của mình. Do đó, việc không ấn định rõ thời hạn Thẩm phán phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi có căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là sự thiếu sót cũng cần phải được bỏ khuyết từ LTTHC hiện hành.

Ba là, quy định về quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là đối tượng có thể kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có phần chưa hợp lý đối với một số căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án tại khoản 1 Điều 143 LTTHC năm 2015

Trong TTHC, kháng cáo là quyền thuộc về quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự, người đại diện hợp pháp của các đương sự. Một khi các đương sự thực hiện kháng cáo thì đồng nghĩa rằng, đương sự có mục đích “phản kháng” lại bản án, quyết định chưa có hiệu lực của Tòa án cấp sơ thẩm để tìm được chiến thắng ở cấp xét xử phúc thẩm. Theo quy định tại khoản 3 Điều 143, Điều 204 LTTHC năm 2015, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mà Thẩm phán ban hành trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm cũng có thể là đối tượng kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm. Quy định này, giúp cho đương sự mà cụ thể các đương sự không đồng tình với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án có cơ hội để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét lại tính đúng sai của quyết định đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Với ý nghĩa này, rõ ràng dụng ý của nhà làm luật rất dân chủ, tôn trọng và bảo đảm lợi ích cho các đương sự. Thế nhưng, theo quan sát của tác giả, căn cứ để Thẩm phán ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khá đa dạng được quy định từ điểm a đến điểm h khoản 1 Điều 143 LTTHC, trong đó có những căn cứ đình chỉ không do yếu tố khách quan mà lại do chính bản thân các đương sự tự định đoạt tự nguyện chủ động chấm dứt việc tiếp tục theo vụ kiện. Đơn cử là căn cứ đình chỉ rõ nhất ở điểm b, c khoản 1 Điều 143 LTTHC: “Người khởi kiện rút đơn khởi kiện trong trường hợp không có yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”; “Người khởi kiện rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan rút yêu cầu độc lập”. Nhận thấy, khi có một trong các căn cứ này, Thẩm phán sẽ ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Quyết định này ban hành theo ý muốn chủ quan tự nguyện của người khởi kiện nên về mặt lý lẽ quyết định này khó có thể

sai sót về mặt căn cứ ban hành. Nên việc quy định cho chính đương sự là người khởi kiện, là người liên quan có quyền kháng cáo quyết định đình chỉ ở tình huống trên là rất phi lý, đưa Tòa án vào cơ chế xem xét lại chính quyết định đình chỉ mà mình ban hành theo nguyện vọng của đương sự. Như vậy, trao quyền kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ở mọi căn cứ đình chỉ theo quy định của LTTHC cần phải được cân nhắc lại, giúp giảm một phần áp lực cho các Tòa án hiện nay.

2.2.2 Nguyên nhân khác

Thứ nhất, cơ sở vật chất, điều kiện để Thẩm phán thực hiện các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm tại một số Tòa án còn nhiều khó khăn

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm của Tòa án. Trong những năm vừa qua, TAND tối cao đã dành một khoản kinh phí để trang cấp bàn ghế hội trường xét xử theo mô hình mới cho các TAND cấp tỉnh và cấp huyện có số lượng lớn các vụ án phải giải quyết và sẽ tiếp tục trang cấp cho toàn hệ thống Tòa án trong thời gian tới, từng bước được trang bị phương tiện, trang thiết bị làm việc đầy đủ và hiện đại đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Việc dành một khoản kinh phí này đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết các vụ án nói chung và các công tác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC nói riêng, song vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định. Không khó để nhận ra điều này khi nhìn vào hiện trạng trụ sở làm việc đã xuống cấp của VKS nhân dân, TAND một số địa phương; máy móc, trang thiết bị không đáp ứng yêu cầu mà khối lượng đặt ra, kinh phí để đảm bảo cho hoạt động công vụ của ngành tư pháp còn thấp so với yêu cầu thực tế; hoạt động đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất chưa đạt được hiệu quả như mong đợi⁵⁶. Hiện nay có 278 trụ sở TAND cấp huyện xuống cấp, cần được đầu tư xây dựng mới⁵⁷. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Tòa án còn hạn chế, phòng xét xử chưa được trang bị đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin. Có thể thấy, những hạn chế này cũng là một

⁵⁶ “Thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua và những vấn đề đặt ra”, <https://lsvn.vn/thuc-trang-cai-cach-tu-phap-o-nuoc-ta-thoi-gian-qua-va-nhung-van-de-dat-ra1632586508.html> (truy cập ngày 26/8/2024)

⁵⁷ Tòa án nhân dân tối cao (2023), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án*, Hà Nội, tr.18.

trong những nguyên nhân tác động trực tiếp đến chất lượng của giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Thứ hai, trình độ hiểu biết và ý thức pháp luật của người dân về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC còn hạn chế; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được đẩy mạnh

Song hành với sự tiến bộ và phát triển của xã hội, ý thức của người dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của pháp luật đang dần hoàn thiện. Tuy nhiên, xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau khiến mức độ hiểu biết, nhận thức về pháp luật nói chung và LTTHC nói riêng của người dân hiện nay còn hạn chế, đặc biệt là những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số còn rất thấp. Nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân, nhiều trường hợp thực hiện việc tuyên truyền mang tính chất hình thức, lấy lệ nên hiệu quả chưa cao; hình thức tuyên truyền phổ biến pháp luật còn máy móc, chưa sử dụng hiệu quả các phương tiện công nghệ thông tin...Do đó, dù có công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nhưng trình độ, nhận thức, hiểu biết của người dân vẫn ở mức thấp, người dân chưa thực sự hiểu biết được quyền, nghĩa vụ của mình trong các quy định của pháp luật TTHC nói chung và chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC nói riêng.

2.3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính Việt Nam về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính

2.3.1. Kiến nghị về mặt pháp lý

Nhằm mục đích nâng cao chất lượng của các công việc trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, hướng tới việc hoàn thiện các quy định pháp luật về chuẩn bị xét xử, tạo một hành lang pháp cho việc thực hiện các công việc trong giai đoạn này đạt chất lượng hiệu quả và đồng bộ là yêu cầu cấp thiết được đặt ra. Từ các phân tích trong phần nguyên nhân pháp lý, tác giả đã nêu ra một số hạn chế, bất cập trong quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trong LTTHC hiện hành. Từ cơ sở này, tác giả sẽ đề xuất các giải pháp hoàn thiện để khắc phục những hạn chế đó.

Thứ nhất, hoàn thiện quy định của pháp luật TTHC về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp, công khai chứng cứ và đối thoại

Một là, hoàn thiện quy định về thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại

Việc tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhằm mục đích đảm bảo quyền tham gia phiên họp cho những người tham gia tố tụng, nhất là cho đương sự, người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự biết được về thời gian, địa điểm và nội dung của phiên họp để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Nhưng, quy định tại Điều 136 LTTHC năm 2015 lại không đề cập về hình thức thông báo cụ thể là bằng miệng hay bằng văn bản. Ngoài ra, trong danh mục biểu mẫu dùng trong TTHC ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ- HĐTP của TAND tối cao cũng không có biểu mẫu về Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Vì lý do trên, trong thực tiễn hiện nay khi tiến hành thông báo về phiên họp này các Tòa án gặp lúng túng, không có sự thống nhất. Do đó, tác giả sẽ đề xuất giải pháp khắc phục như sau: việc thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ phải được thực hiện bằng văn bản. Cụ thể sửa, đổi bổ sung khoản 1 Điều 136 LTTHC như sau: “*Trước khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại giữa các đương sự, Thẩm phán phải thông báo bằng văn bản cho các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về thời gian, địa điểm tiến hành phiên họp và nội dung của phiên họp*”. Đồng thời, nhằm tạo tính đồng của thông báo này, cần có biểu mẫu bổ sung dùng trong TTHC được ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2017/NQ- HĐTP của TAND tối cao.

Hai là, pháp LTTHC cần có những quy định khoa học hơn về trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại là phiên họp có trình tự, thủ tục tiến hành khó hình dung nhất, các quy định trong LTTHC về phiên họp này chưa khoa học, luật chưa đề cập đến phần mở đầu khai mạc phiên họp được tiến hành khi nào và cũng không quy định về phần kết thúc, bế mạc phiên họp. Hơn nữa, việc nhập chung hai thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục đối thoại vào trong cùng một phiên họp chưa đem lại sự thông hiểu cho người nghiên cứu, thậm chí đôi khi chính người áp dụng pháp luật

cũng khó khăn khi tổ chức phiên họp này. Do vậy, theo tác giả sẽ có hai phương án đề xuất sửa điều 138 LTTHC hiện hành như sau:

Phương án thứ nhất, vẫn giữ nguyên quy định hai thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục đối thoại vào cùng một phiên họp như LTTHC hiện tại. Phương án này thể hiện sự tán thành với quan điểm của các nhà xây dựng pháp luật, có dụng ý chính là tiết kiệm thời gian, chi phí cho việc tổ chức phiên họp. Tuy nhiên, kết cấu, thủ tục trình tự của phiên họp cần quy định lại tường minh, khoa học, cụ thể hơn như sau:

Bước 1: Chuẩn bị khai mạc phiên họp

- Thư ký phiên họp kiểm tra về cơ sở vật chất tại phòng họp.
- Thư ký phiên họp kiểm tra sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp được Tòa án triệu tập trong Thông báo Tòa án tổng đạt cho họ.

Bước 2: Khai mạc phiên họp

- Thẩm phán tuyên bố khai mạc phiên họp, thông báo lý do, mục đích của phiên họp.

Bước 3: Trình tự tiến hành phiên họp

- Thư ký báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp cho Thẩm phán. Trên cơ sở đó, Thẩm phán kiểm tra lại sự có mặt và kiểm tra căn cước của những người tham gia: Thẩm phán hỏi các đương sự về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, tên địa chỉ cơ quan. Đối với người đại diện hợp pháp của đương sự Thẩm phán cần kiểm tra tư cách đại diện của họ, họ tên, tuổi, nghề nghiệp, chức vụ⁵⁸.

- Thẩm phán phổ biến cho các đương sự biết quyền, nghĩa vụ và nội dung, ý nghĩa, mục đích, phương thức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để giúp các đương sự hiểu rõ về thủ tục này. Đồng thời, Thẩm phán cũng phổ biến cụ thể cho đương sự các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ của mình. Thẩm phán giới thiệu cụ thể trình tự tiến hành tại phiên họp theo hai thủ tục sau

⁵⁸ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), lttđ, tr.397.

✓ **Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ**

- + Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;
- + Thẩm phán hỏi đương sự về những vấn đề theo khoản 2 Điều 138 LTTTC;
- + Các đương sự trình bày theo câu hỏi của Thẩm phán;
- + Thẩm phán xem xét các ý kiến và giải quyết các đề nghị của đương sự;
- + Thư ký phiên họp đọc biên bản ghi chép;
- + Thẩm phán tuyên bố kết thúc trình tự kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và chuyển sang thủ tục đối thoại.

✓ **Thủ tục đối thoại**

- + Thẩm phán nhắc và nhấn mạnh lại mục đích, cũng như quyền, nghĩa vụ của các đương sự trong đối thoại;
- + Thẩm phán mời các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự lần lượt trình bày theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 4 Điều 138 LTTTC và có thể Thẩm phán thực hiện thêm quy định tại điểm e khoản 4 Điều 138 LTTTC;
- + Thẩm phán xác định những vấn đề các bên đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất;
- + Thẩm phán kết luận những vấn đề các bên đương sự đã thống nhất và những vấn đề chưa thống nhất;
- + Thư ký đọc biên bản ghi chép;
- + Thẩm phán tuyên bố kết thúc thủ tục đối thoại.

Bước 4: Kết thúc phiên họp, thông báo kết quả phiên họp

- Thẩm phán tóm tắt kết quả chung của cả phiên họp và tuyên bố kết thúc phiên họp

Như vậy, trên đây là kiến nghị của tác giả về trình tự, thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Thiết nghĩ các kiến nghị trên có thể ở khía cạnh nào đó chưa được thấu đáo mọi mặt nhưng về cơ bản sẽ giúp cho việc tìm hiểu, áp dụng pháp luật được khoa học và thống nhất trong thực tiễn tổ

chức phiên họp, là cơ sở để VKS thực hiện việc giám sát hoạt động tư pháp. Tuy nhiên, cần lưu ý, thủ tục đối thoại nếu thuộc trường hợp không tổ chức được theo quy định tại Điều 135 LTTHC năm 2015 thì Thẩm phán chủ trì phiên họp chỉ cần tiến hành thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ trong phiên họp.

Phương án thứ hai: Tác giả đề xuất thứ nhất LTTHC tách phiên họp chung gồm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại thành hai phiên họp độc lập, riêng biệt. Điều này xuất phát từ nhiều lý do khác nhau như mục đích của hai thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục đối thoại là khác nhau như tác giả đã trình bày ở phần nguyên nhân pháp lý. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khoa học, các vấn đề chung của cả hai phiên họp như: Thông báo về hai phiên họp; thành phần tham gia hai phiên họp; Biên bản phiên họp của hai phiên họp nên quy định gộp lại cho tinh gọn. Mặt khác, cần quy định hai phiên họp này được thực hiện ở cùng thời điểm, theo tính trước sau. Đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không có nguyện vọng tham gia phiên họp đối thoại thì họ có thể vắng mặt.

Dù rằng, phương án tách thành hai phiên họp độc lập có thể chưa thuận tiện cho Tòa án trong công tác soạn thảo văn bản tố tụng nhưng so với quy định của LTTHC hiện hành thì cũng không thay đổi quá nhiều có chăng chỉ tách ra cho dễ xác định, minh bạch được rõ các vấn đề xoay quanh hai thủ tục về lâu dài để bảo đảm tính minh bạch, cũng như rõ ràng mục đích của từng phiên họp, tạo cơ sở để tổ chức phiên họp được thống nhất, có hiệu quả.

Thứ hai, hướng dẫn về cách thức xử lý sau khi các bên đã thực hiện cam kết về việc giải quyết vụ án; bổ sung cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào khoản 3 Điều 140 LTTHC năm 2015

Căn cứ Điều 140 LTTHC quy định về xử lý kết quả đối thoại trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Khía cạnh cơ bản điều khoản đã hướng tới việc cụ thể hoá cách xử lý để Thẩm phán có nhận định giải quyết cho đúng đắn, tôn trọng ý chí định đoạt của các đương sự tham gia đối thoại. Nếu hướng dẫn về cách thức xử lý sau khi các bên đã thực hiện cam kết về việc giải quyết vụ án; bổ sung cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định rõ ràng, minh thị sẽ tạo ra cách tiếp cận chung nhất, nâng cao chất lượng phiên

hợp đối thoại. Tuy nhiên, vì khoản 3 Điều 140 quy định còn có phần chưa rõ ràng khi các đương sự thực hiện cam kết nên còn có các cách tiếp cận khác nhau, chưa thống nhất. Vì vậy, tác giả đề xuất sửa đổi đoạn 2 khoản 3 Điều 140 LTTTC như sau: *“Trường hợp nhận được quyết định hành chính mới và văn bản rút đơn khởi kiện thì Tòa án phải thông báo cho các đương sự khác biết. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, nếu các đương sự không có ý kiến phản đối thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ việc giải quyết vụ án và gửi ngay cho đương sự, VKS cùng cấp”*. Trong đề xuất này, tác giả đã thay từ “hoặc” bằng liên từ “và” để rõ ràng hơn. Nghĩa là việc thực hiện cam kết không phải do một bên đương sự thực hiện mà phải là tất cả các đương sự thực hiện cam kết, tránh đi những hệ lụy sau này khi việc thống nhất và thực hiện chỉ đứng về một phía làm cho quyết định công nhận đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án không chính xác. Thiết nghĩ, kiến nghị trên của tác giả là khả thi, giúp cho các Tòa án xóa đi những cách xử lý khác nhau bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất trong cả nước.

Bên cạnh đó, tại phần nguyên nhân pháp lý của Khóa luận đã nêu: khoản 3 Điều 140 LTTTC chỉ mới ghi nhận cam kết của người bị kiện, người khởi kiện mà chưa có ghi nhận cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Nhằm khắc phục khiếm khuyết này, tác giả đề xuất LTTTC cần sớm bổ sung cam kết của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, cụ thể khoản 3 Điều 143 LTTTC sửa lại như sau: *“Trường hợp qua đối thoại mà người bị kiện cam kết sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ quyết định bị khởi kiện hoặc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện cam kết rút đơn khởi kiện, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cam kết rút yêu cầu độc lập** thì Tòa án lập biên bản về việc cam kết của các đương sự. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản, người bị kiện phải gửi cho Tòa án quyết định hành chính mới hoặc thông báo về việc chấm dứt hành vi hành chính bị khởi kiện và người khởi kiện phải gửi cho Tòa án văn bản rút đơn khởi kiện, **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải gửi văn bản rút yêu cầu độc lập**. Hết thời hạn này mà một trong các đương sự không thực hiện cam kết*

của mình thì Thẩm phán tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án...”. Đề xuất này của tác giả giúp cho việc xử lý kết quả đối thoại được toàn diện, góp phần bảo đảm lợi ích chính đáng cho tất cả các đương sự trong đó có cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất trong thực hiện pháp luật, pháp LTTHC cũng nên bổ sung quy định cách xử lý của Tòa án trong trường hợp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhận được thông báo của Tòa án mà họ lại có ý kiến phản đối tại khoản 3 Điều 140 LTTHC.

Thứ ba, hoàn thiện một số quy định về tạm đình chỉ giải quyết vụ án

Vấn đề tạm đình chỉ giải quyết vụ án trong TTHC có thể xảy ra ở bất kỳ giai đoạn nào sau khi thụ lý vụ án. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm khi phát hiện có căn cứ được quy định tại khoản 1 Điều 141 LTTHC năm 2015 Tòa án sẽ ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Nhìn chung, quy định của LTTHC về tạm đình chỉ giải quyết vụ án là đầy đủ nhưng trước yêu cầu của thực tiễn, cùng các vướng mắc cụ thể, một vài quy định đó chưa toàn diện, thiếu rõ ràng cần được tiếp tục hoàn thiện.

Một là, bổ sung căn cứ tạm đình chỉ giải quyết VAHC vào khoản 1 Điều 141 LTTHC năm 2015

Mặc dù LTTHC hiện hành đã ghi nhận đương sự có quyền đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng LTTHC lại chưa quy định rõ cách thức xử lý như thế nào khi đương sự có đề nghị yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án dẫn đến có nhiều cách hiểu và áp dụng thiếu thống nhất. Vô hình trung, việc quy định quyền đề nghị tạm đình chỉ của đương sự chỉ mang tính hình thức khi không có cơ chế thực hiện trên thực tế. Vì thế, tác giả đề xuất bổ sung thêm căn cứ tạm đình chỉ “*Đương sự đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án và được Tòa án chấp nhận*” vào điểm g khoản 1 Điều 141 LTTHC. Việc bổ sung quy định này sẽ góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa quy định tại khoản 18 Điều 55 LTTHC với các căn cứ tạm đình chỉ tại khoản 1 Điều 141 LTTHC. Đồng thời, tránh được tình trạng đương sự đề nghị tạm đình chỉ không có lý do chính đáng. Bởi quyền đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án là quyền của đương sự, nhưng việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án lại ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án và quyền lợi của các đương sự khác. Do vậy, khi đương

sự đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án thì Thẩm phán phải xem xét đề nghị đó có hợp lý không và có phù hợp với các quy định của pháp luật không. Nếu phù hợp thì Tòa án mới chấp nhận yêu cầu đề nghị của đương sự.

Hai là, bổ sung thời hạn ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án; quy định về thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án

Dẫn chiếu sang lĩnh vực tố tụng dân sự, vấn đề ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự sau khi lý do tạm đình chỉ vụ án không còn được ấn định trong một khoảng thời gian nhất định. Theo đó, quy định tại Điều 216 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 “*Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày lý do tạm đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 214 Bộ luật này không còn thì Tòa án phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án...*”. Tuy nhiên, trong TTHC, mặc dù LTTHC có quy định khi lý do tạm đình chỉ không còn thì Tòa án ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Thế nhưng, LTTHC lại không giới hạn thời gian ban hành quyết định này, điều này dẫn đến tình trạng Thẩm phán có thể ban hành ngay hoặc sau nhiều ngày, thậm chí dài hơn nữa Thẩm phán mới ban hành. Do đó, để bảo tính thống nhất trong quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 142 LTTHC như sau: “*Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể ngày lý do tạm đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 141 của Luật này không còn thì Tòa án phải ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án*”. Quy định thời hạn 03 ngày làm việc là phù hợp, không quá ngắn và cũng không quá dài đủ để tạo điều kiện cho Thẩm phán chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ra quyết định.

Bên cạnh đó, LTTHC cũng cần bổ sung quy định về thời hạn Tòa án phải ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án kể từ khi có căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Theo đó, tác giả đề xuất bổ sung thêm vào Điều 141 LTTHC như sau: “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán phải ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án*”. Kiến nghị này góp phần bảo đảm tính khẩn trương cũng như sự thống nhất khi áp dụng pháp luật, loại trừ các trường hợp Tòa án có tình trì hoãn việc ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến tiến trình giải quyết vụ án.

Thứ tư, hoàn thiện một số quy định về đình chỉ giải quyết vụ án

So với quy định của pháp LTTTC trước đây, quy định của LTTTC hiện hành về đình chỉ giải quyết VAHC đã có những sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn, giúp Tòa án thuận lợi khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn xét xử. Thế nhưng, trải qua gần 10 năm thi hành LTTTC hiện hành, một vài quy định của LTTTC về đình chỉ giải quyết vụ án còn tồn tại các hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện.

Một là, pháp luật tổ tụng hành chính cần minh định căn cứ đình chỉ giải quyết VAHC tại điểm a khoản 1 Điều 143 LTTTC “người khởi kiện là cá nhân chết mà quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế”

Sự kiện người khởi kiện là cá nhân chết trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC không được xem là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án trong mọi trường hợp. Nghĩa là, điểm a khoản 1 Điều 143 LTTTC chỉ quy định trong trường hợp sau: “Người khởi kiện là cá nhân chết mà quyền và nghĩa vụ của họ không được thừa kế” mới là căn cứ để Thẩm phán ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, LTTTC và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa có bất cứ quy định nào giải thích cụ thể về thế nào là quyền và nghĩa vụ không được thừa kế. Bởi vậy, trong thực tế thực hiện hiện nay, các Thẩm phán có tư duy áp dụng theo cách thức áp dụng pháp luật tương tự trong các hướng dẫn ngành luật khác và mặc nhiên trở thành truyền thống thông lệ áp dụng từ khi LTTTC hiện hành có hiệu lực cho đến nay và được hiểu theo hai khía cạnh: (1) quyền và nghĩa vụ không được thừa kế là quyền, nghĩa vụ liên quan đến nhân thân của người khởi kiện như quyền về họ, tên, quyền đổi tên, quyền có căn cước công dân... (2) quyền và nghĩa vụ không được thừa kế là quyền, nghĩa vụ đó không có người thừa kế. Thực tế này sẽ không sai nhưng cũng không hoàn toàn đúng và hệ lụy của nó làm cho các quy định của LTTTC trở lên không toàn diện, hiệu quả điều chỉnh không cao, không là cơ sở pháp lý cụ thể để các Tòa án vận dụng vào giải quyết vụ án. Do đó, theo tác giả, khi LTTTC được đề xuất sửa đổi, bổ sung trong thời gian tới, trước hết và quan trọng nhất là phải hướng dẫn cụ thể về quyền và nghĩa vụ không được thừa kế. Thiết nghĩ cần hiểu thống nhất theo hướng thứ nhất: *Quyền và nghĩa vụ không được thừa kế là quyền, nghĩa vụ liên quan đến nhân thân của người khởi kiện.* Đồng thời, để trở nên hoàn thiện, rõ ràng hơn, tác giả đề xuất sửa điểm a khoản 1 Điều 143 LTTTC như sau: “*Người khởi kiện là cá nhân đã chết mà quyền,*

nghĩa vụ của họ không được thừa kế hoặc quyền và nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế mà không có người thừa kế; cơ quan, tổ chức đã giải thể hoặc tuyên bố phá sản mà không có cơ quan, tổ chức, cá nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng”.

Hai là, *LTTHC cần bổ sung thời hạn cụ thể mà Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án khi xuất hiện căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật*

Nếu như tạm đình chỉ giải quyết vụ án chỉ làm tạm dừng việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trong một khoảng thời gian thì đình chỉ giải quyết vụ án sẽ làm chấm dứt việc giải quyết vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Dù hậu quả của hai quyết định có khác nhau rõ rệt nhưng về cơ bản khi xuất hiện căn cứ tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án thì bắt buộc Thẩm phán phải khẩn trương hoàn thành và ban hành quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, như tác giả đã phân tích ở trên, pháp luật TTHC vô tình không quy định thời hạn để Thẩm phán ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án từ khi nhận định có căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định của LTTHC. Điều này có thể dẫn đến tình trạng Thẩm phán ban hành quyết định ở một thời hạn tùy nghi, thậm chí có thể có trường hợp từ khi vụ án có căn cứ đình chỉ cho đến khi Thẩm phán ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là 1 tháng hoặc nhiều tháng hơn thế nữa. Điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tiến trình của vụ án cũng như quyền được biết của các đương sự trong vụ án. Bởi vậy, tác giả đề xuất LTTHC cần quy định như sau: *“Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án”*. Thiết nghĩ, khoảng thời gian này là phù hợp, giúp cho Thẩm phán có những chuẩn bị, nhận định cho chính xác, đúng đắn hơn khi ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đồng thời bảo đảm việc áp dụng pháp luật thống nhất, tránh trường hợp kéo dài thời gian ban hành gây ảnh hưởng đến lợi ích của các đương sự.

Ba là, *LTTHC cần giới hạn lại trường hợp đương sự được quyền kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm*

Khoản 1 Điều 143 LTTHC quy định nhiều căn cứ để Thẩm phán ra quyết định căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án. Trong đó có căn cứ đình chỉ xuất phát từ những sự kiện như người khởi kiện chết, người khởi kiện rút đơn khởi kiện, người bị kiện hủy

bỏ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị kiện. Khi không đồng ý, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đó. Tuy nhiên, LTTTC quy định cho phép đương sự kháng cáo ngay cả trong trường hợp quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ở căn cứ người khởi kiện rút đơn khởi kiện là chưa hợp lý cần phải xem xét có sự giới hạn lại. Bởi thế, tác giả kiến nghị sửa khoản 3 Điều 143 LTTTC như sau: “*Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trừ trường hợp Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án tại điểm b, c khoản 1 Điều 143 LTTTC*”. Thiết nghĩ, giải pháp này sẽ nâng cao trách nhiệm rút đơn khởi kiện của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và đồng thời làm giảm áp lực cho các Tòa án trong việc ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

2.3.2. Kiến nghị khác

Thứ nhất, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Tòa án

Trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo trụ sở của các Tòa án đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp nhằm củng cố và hiện đại hóa cơ sở vật chất của Tòa án các cấp; ưu tiên đầu tư cho các Tòa án có trụ sở, cơ sở vật chất xuống cấp, nhiều năm chưa được đầu tư, xây dựng hoặc quá chật hẹp ảnh hưởng đến chất lượng, cũng như hiệu quả công việc. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ: “*Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan và hoạt động tư pháp theo hướng ngân sách tư pháp do Quốc hội phân bổ và giao cho các cơ quan tư pháp địa phương quản lý và sử dụng. Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang hiện đại, đầy đủ tiện nghi. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp...*”. Một điều tối qua trọng là phải ứng dụng tốt công nghệ thông tin vào chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, thông qua việc lập ra các chương trình quản lý trong công tác thụ lý ở các Tòa án. Vì vậy, việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Tòa án là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Có cơ sở vật chất đầy đủ, trang thiết bị và phương tiện hiện đại thì sẽ đảm bảo tốt cho hoạt động nghiệp vụ

của cán bộ Tòa án nói chung và Thẩm phán nói riêng được chất lượng góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ xét xử của Tòa án.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật TTHC về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC đến quần chúng nhân dân

Có thể thấy hiệu quả của việc thực thi các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có đạt được hay không, phụ thuộc không nhỏ ở hành vi của các đương sự nói chung và phía người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói riêng (người dân), nhất là tính hiệu quả của các trình tự, thủ tục về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật TTHC cũng nhằm mục đích làm cho các đương sự nhận thức rõ hơn về quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, qua đó mà bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của chính bản thân. Muốn làm được điều này, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền pháp luật một cách sâu rộng và đồng bộ nhằm nâng cao ý thức pháp luật của người dân về quy định của pháp luật nói chung, LTTTC nói riêng là vô cùng cần thiết. Trong pháp luật TTHC, cần tuyên truyền về các quy định của Luật này đặc biệt là quy định trong các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng chương trình phát sóng vào những khung giờ vàng. Để phát huy tối đa hiệu quả, Nhà nước cần phải truyền tải bằng nhiều loại chương trình khác nhau như: phóng sự, chương trình tọa đàm, giải đáp về pháp luật,... Ngoài ra, các cơ quan Nhà nước ở địa phương cần lựa chọn hình thức tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với từng địa phương, đối tượng tuyên truyền như: sử dụng trang thông tin điện tử của cơ quan, ban ngành ở địa phương; giải đáp trực tuyến trên internet; sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư; nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng; sử dụng đài phát thanh để tuyên truyền bằng tiếng dân tộc thiểu số về các quy định của pháp luật. Thêm nữa, Tòa án cũng cần phải phát huy vai trò của mình trong việc tuyên truyền phổ cập pháp luật TTHC đến các đương sự, đặc biệt là người khởi kiện có hiểu biết tốt hơn về quyền và nghĩa vụ của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm. Việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật TTHC cần phải được thực hiện một cách thường xuyên và rộng rãi.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Nâng cao hiệu quả chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC luôn là yêu cầu cấp thiết, chất lượng của giai đoạn chuẩn bị xét xử được nâng cao, góp phần vào việc tạo tiền đề để Tòa án giải quyết VAHC có chất lượng, hiệu quả, đúng luật; ngoài ra, là cơ sở để các đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trên cơ sở lý luận và quy định của pháp luật TTHC, Chương 2 đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện quy định của LTTHC về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, trong thời gian vừa qua đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm vẫn còn những hạn chế, khó khăn, vướng mắc. Từ những cơ sở trên, tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp về hoàn thiện pháp luật như: Hoàn thiện hơn về quy định tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại; quy định cụ thể, rõ ràng hơn về cách xử lý kết quả đối thoại; bổ sung một số quy định về tạm đình chỉ giải quyết vụ án và đình chỉ giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp về nâng cao chế độ đãi ngộ, lương bổng đối với cán bộ, công chức ngành Tòa án, song song đó phải chú trọng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho Thẩm phán, cán bộ, công chức; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị cho việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm; nâng cao mức độ nhận thức pháp luật TTHC cho nhân dân. Các kiến nghị được đưa ra với mong muốn nâng cao chất lượng hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm cũng như hoàn thiện các quy định của LTTHC nói riêng.

KẾT LUẬN

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC là hoạt động tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành nhằm chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho việc đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa sơ thẩm. Công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm có ý nghĩa vô cùng quan trọng ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng xét xử sơ thẩm. Thực hiện tốt các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử góp phần bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm được chính xác và đúng pháp luật hạn chế được kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm, kháng nghị giám đốc thẩm và tái thẩm. Thực tiễn thực hiện hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm của các Tòa án đã đạt được những kết quả nhất định, công tác chuẩn bị xét xử được tiến hành ngày càng tốt hơn góp phần tạo nên sự thành công trong công tác xét của ngành Tòa án. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập nhất định. Từ khía cạnh lý luận và thực tiễn giải quyết vụ án, tác giả nhận thấy một số những quy định của pháp luật TTHC về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC có sự thiếu rõ ràng, gây khó khăn, lúng túng cho các Tòa án khi thực hiện các hoạt động tố tụng. Với mục đích hoàn thiện các hạn chế, bất cập đó, tác giả đã nhận thấy việc nghiên cứu đề tài “*Chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC*” là hoàn toàn cần thiết và có giá trị cao trong việc hoàn thiện quy định của pháp luật TTHC nói chung và chuẩn bị xét xử sơ thẩm nói riêng. Trong phạm vi đề tài nghiên cứu, công trình đã làm rõ các vấn đề lý luận, thực tiễn và đạt được một số kết quả có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, về vấn đề lý luận cơ bản về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC, khóa luận đã đưa ra khái niệm và nêu bật đặc điểm, vai trò của chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trong TTHC. Tiếp đó, tác giả đã đi sâu vào phân tích cơ sở của LTTHC về quy định chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC.

Thứ hai, thông qua việc phân tích các quy định về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trên thực tiễn, đề tài đã cung cấp một lượng thông tin đáng kể về việc thực hiện chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC trong phạm vi cả nước từ năm 2019 đến năm 2023. Từ những số liệu đó, tác giả đã chỉ ra được bên cạnh những thành tựu tích cực đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập trong quy định của pháp luật về chuẩn bị xét xử sơ thẩm VAHC cũng như việc áp dụng những quy định này trên thực tế.

Thứ ba, dựa trên các cơ sở nghiên cứu phân tích tình hình thực tiễn, đánh giá quy định của pháp luật cũng như thực tế áp dụng, tác giả mạnh dạn đưa ra những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện cụ thể. Bên cạnh giải pháp về mặt pháp lý, thì đề tài còn có những kiến nghị về mặt thực tiễn nhằm thiện nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác chuẩn bị xét xử sơ thẩm trong VAHC, đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đảm bảo chế độ xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. DANH MỤC VĂN KIẾN CỦA ĐẢNG VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT

I. VĂN BẢN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN

1. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
2. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp năm 2020;

II. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013;
4. Bộ luật Dân sự năm 2015 số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015;
5. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 số 92/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
6. Luật Tố tụng hành chính Việt Nam năm 2010 số 64/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2010;
7. Luật Tố tụng hành chính Việt Nam năm 2015 số 93/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
8. Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng hành chính;
9. Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và công tác thi hành án;

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách, giáo trình, tập bài giảng

1. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Luật (2023), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam (Tái bản lần thứ nhất)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;
2. Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Quốc Hồng (2012), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam;
3. Vũ Thư, Lê Thương Huyền (2016), *Bình luận khoa Luật Tố tụng hành chính năm 2015*, Nxb Hồng Đức;
4. Nguyễn Duy Lãm (2001), *Từ điển giải thích thuật ngữ pháp lý thông dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội;

5. Nguyễn Lâm (2004), *Từ điển từ và ngữ Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Trường Đại học Đà Lạt (2017), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật;
7. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học: Luật Hành chính, Luật Tố tụng hành chính, Luật Quốc tế*, Nxb Công an nhân dân;
8. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân;
9. Trường Đại học Luật Hà Nội (2014), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam (Tái bản lần thứ tám có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Công an nhân dân;
10. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2008-2009), *Tập bài giảng Luật Tố tụng hành chính*, Tài liệu lưu hành nội bộ;
11. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), *Giáo trình Luật Tố tụng hành chính Việt Nam (tái bản lần 2, có sửa đổi và bổ sung)*, Nxb Hồng Đức;
12. Viện ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội;
13. Viện Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, NXB Từ điển bách khoa và Nxb Tư pháp, Hà Nội;

II. Luận văn, khóa luận tốt nghiệp, bài tạp chí, báo cáo...

14. Nguyễn Hoàng Anh (2022), “Quy trình chuẩn trong Tố tụng hành chính ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (số 6).
15. Vương Văn Bép (2016), “Trao đổi một số vấn đề về quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết vụ án hành chính của Tòa án”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 24);
16. Trịnh Ngọc Diệu (2017), *Tạm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
17. Nguyễn Văn Điều (2022), *Đối thoại trong tố tụng hành chính và thực tiễn tại tỉnh Vĩnh Long*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
18. Trương Thu Giang (2021), *Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
18. Hoàng Lê Thanh Hà (2022), “Bàn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại trong tố tụng hành chính”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 5);

19. Nguyễn Thị Hạnh (2013), *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
20. Nguyễn Thế Hoàng (2021), “Một số khó khăn, bất cập sau 05 năm thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 17);
21. Trần Linh Huân (2014), *Tạm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính*”, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân Luật, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh;
22. Nguyễn Thị Huyền (2014), *Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh;
24. Nguyễn Sơn Lâm (2023), “Giao nộp tài liệu, chứng cứ trong tố tụng hành chính”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 2);
25. Phạm Hồng Quang (2010), “Kinh nghiệm mô hình và thẩm quyền xét xử vụ án hành chính của một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (số 21);
26. Thái Vĩnh Thắng (2008), “Tổ chức Tòa án hành chính của Cộng hòa Pháp và một số kinh nghiệm có thể áp dụng cho Tòa án hành chính ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 3);
27. Lê Việt Sơn, Vũ Minh Thùy (2016), “Thủ tục đối thoại theo Luật Tố tụng hành chính năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, (số 08);
28. Nguyễn Ngọc Tuấn (2019), “Một số vấn đề vướng mắc trong tố tụng hành chính và những kiến nghị, đề xuất”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (số 3);
29. Tòa án nhân dân tối cao (2019), Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2020 của các Tòa án;
30. Tòa án nhân dân tối cao (2020), Dự thảo báo cáo tổng kết công tác năm 2020 và nhiệm kỳ 2016 – 2020, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2021 của các Tòa án;
31. Tòa án nhân dân tối cao (2021), Dự thảo báo cáo tổng kết công tác năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2022 của các Tòa án;
32. Tòa án nhân dân tối cao (2022), Dự thảo báo cáo tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2023 của các Tòa án;
33. Tòa án nhân dân tối cao (2023), Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2024 của các Tòa án;
34. Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Sổ tay thư ký Tòa án*, Nxb Thanh Niên.

35. Tài liệu tập huấn nghiệp vụ xét xử các vụ án giữa các Tòa án khu vực phía bắc do Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội tổ chức, năm 2022;

36. Ủy ban tư pháp của Quốc hội, Báo cáo Kết quả giám sát “*Việc chấp hành pháp luật về tổ tụng hành chính trong giải quyết các vụ án hành chính, thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân, 9/2022*”

37. Nguyễn Hoàng Yên (2018), “Xử lý kết quả đối thoại trong tổ tụng hành chính”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (số 12);

III. Bản án, quyết định

38. Quyết định số 05/2024/QĐST-HC ngày 14 tháng 03 năm 2024 của TAND Thành phố Cần Thơ về Quyết định đình chỉ giải quyết VAHC;

39. Bản án số 01/2018/HC-ST ngày 12/03/2018 của TAND Thành phố Cao Lãnh “V/v khiếu kiện quyết định hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”;

40. Bản án số 1199/2018/HC -PT ngày 26/12/2018 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh “V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”;

41. Bản án số 1199/2018/HC -PT ngày 26/12/2018 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh “V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”;

42. Quyết định số 01/2022/QĐST-HC ngày 15 tháng 6 năm 2022 của TAND thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang về quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án;

43. Quyết định số 02/2020/QĐST-HC ngày 22 tháng 9 năm 2020 của TAND Huyện Yên Thủy, Tỉnh Hòa Bình về quyết định công nhận kết quả đối thoại thành, đình chỉ giải quyết vụ án;

44. Quyết định số 233/2024/QĐ-HCPT ngày 19/6/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng về quyết định giải quyết kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định đình chỉ giải quyết VAHC;

45. Quyết định số 134/2023/QĐ-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về Quyết định giải quyết kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ giải quyết VAHC;

46. Bản án số 275/2022/HC-ST ngày 30/11/2022 của TAND Hà Nội “V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”;

C. Tài liệu internet

47. Lê Thị Mơ, “Hoàn thiện quy định của Luật Tố tụng hành chính về đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm”, <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-quy-dinh-cua-luat-to-tung-hanh-chinh-v...32.html> (truy cập ngày 20 tháng 8 năm 2024).
48. Lâm Uyên, “Áp lực đối với Thẩm phán”, <https://tapchitoaan.vn/ap-luc-doi-voi-tham-phan> (truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2024).
49. “Thực trạng cải cách tư pháp ở nước ta thời gian qua và những vấn đề đặt ra”, <https://lsvn.vn/thuc-trang-cai-cach-tu-phap-o-nuoc-ta-thoi-gian-qua-va-nhung-van-de-dat-ra1632586508.html> (truy cập ngày 26/8/2024)